Năm thứ nhất.— Số 14 Thứ sáu, 12 Septembre 1941

TRI TÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HẰNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Cột đồng Mã-Viện — *Ưng-Hoè Nguyễn-văn-Tố*

Kẻ thù số 1 của làng văn, làng báo — *Phạm-mạnh-Phan*

Nghệ-thuật — *Le-tao*

Khói trà hương dượm chén trùng phùng — *Hà-liên Cô*

Anh hùng với giai nhân (II) — *Tam-Gia*

Nguyễn-văn-Thắng (II) — *Nguyễn-Triệu*

Dạng-bản văn-pháp (V) — *Đào duy-Anh*

Ông-Ích-Khiêm (II) — *Nhật-Nham*

Những pháo thuyền Bắc-kỳ — *Nguyễn-huyền-Tĩnh*

Tiểu thuyết « Bà Quận Mỹ » (XIII) — *Chu-Thiên*

Hai trẻ chăn trâu không cho vua Tự-Đức bắn chim — *Tiên-Đàm*

Việt-nam văn-học sử (VII) — *Hoa-Bằng*

vân vân

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo : 1 năm 5$50—6 tháng 2$80—3 tháng 1$50

Mỗi số 12 xu

TÒA BÁO ở số 195, phố Hàng Bông — Hanoi

Những kẻ thù số 1 của làng văn, làng báo

Đừng giết báo bằng lưỡi dao « kinh - tế » nữa !

PHẠM-MẠNH-PHAN

XEM sách, xem báo là một sự giải trí tao-nhã và là một việc mở-mang trí-thức sau cái học của nhà trường. Nó ngăn người ta khỏi say-sưa trong quân bài lá bạc, khỏi chìm-đắm trong những chốn yêu-hoa dơ-bẩn.

Nhờ văn-chương, tư-tưởng trong sách, báo làm môi-giới, giữa nhà văn, nhà báo và độc-giả có một giây liên lạc thiêng-liêng.

Độc-giả có bổn-phận phải khuyến-khích những nhà văn mà mình thân yêu, phải sòng-phẳng về phần tiền-nong để giúp cho nhà văn, nhà báo đủ tài đủ lực theo-đuổi các công-việc, khuyếch-trương các ý định. Vì không kể những ngòi bút lần-lút bợ-đỡ, còn nhà văn chân-chính thì chỉ sống về độc-giả thôi.

Thế mà, ở nước ta, hiện giờ chúng tôi lấy làm ngao-ngán xet nhận rằng có một số độc-giả, vì chút tư lợi cỏn-con, đã gây nên biết bao tai-hại trong làng báo, đã làm bao nhà văn phải sạt nghiệp ! Nếu không trừ khử chúng đi, chúng sẽ theo nhịp cũ mà hại tới những tờ báo sau này.

◆

Mỗi khi một tờ báo hoặc tạp-chí mới ra đời, những bạn-hữu các nhân-viên trong tòa báo vẫn thường giới thiệu một số độc-giả mà nhà báo không được quen biết.

Lẽ cố nhiên báo cứ gửi tới để những độc-giả đó xem thử và, sau một hai số, nếu không thấy báo gửi trả lại, nhà báo cứ việc gửi tiếp. Đó là lệ thường bất cứ báo nào cũng vậy, ít khi độc-giả phải ký giấy mua năm vì nhà báo tin ở tấm lòng độc giả nhiều hơn là tin ở chữ ký.

Có người không bằng lòng nhận báo thì trả lại ngay số đầu : nhiều khi cũng chưa bóc giấy ngoài và cũng chưa giở xem nội-dung tờ báo có gì. Đó cũng là một sự kỳ-quặc !

Nhưng cũng còn là may vì có nhiều ông nhận báo tới hai, ba tháng sau mới từ-chối. Nhà báo có nhắc chỗ báo đã gửi thì ông làm như thư thất lạc hoặc trả lời kêu chưa hề nhận qua được số nào ! Đâu có sự lạ làm vậy !

Nếu chỉ có một vài độc-giả như thế thì món tiền nhỏ-mọn cũng chẳng là bao. Nhưng khốn nỗi số đó lại là số đông, nên chung-quy nhà báo vẫn phải thiệt-thòi.

Gửi báo trả lại, phần đông không phải là vì báo không hợp với chí-hướng hoặc tồn-chỉ mình, nhưng chỉ vì không muốn bỏ tiền mua.

Họ liền nghĩ ra một cách rất tiện-lợi mà vẫn được xem báo như thường : thấy ai mua, hỏi mượn liền.

Nhiều khi người mua vừa nhận được báo, song chưa kịp đọc đã « bị » mượn rồi :

— Bác cho mượn giở qua đỡ buồn.

Nhưng nào có giở qua, xem hàng giờ rồi, lúc trả lại tờ báo hay tạp-chí, lại phê-bình một câu gọn lỏn :

— Báo với biếc ! chẳng có quái gì cả !

« Chẳng có quái gì », thế mà hết lần ấy qua lần khác, lần nào ông cũng chịu khó mượn cho kỳ được, xem hàng giờ mà không mất một đồng xu nhỏ !

Họ tưởng làm thế là thường và không đáng khinh-bỉ sao ! Ở nhà họ, nếu thằng nhỏ có ăn bớt một vài xu thì họ đánh chửi om-sòm, nhiếc-móc tản-tệ. Thế mà, chính họ, hằng ngày, vẫn ăn cắp của làng văn, làng báo từ răm xu tới một hào !

Cũng có nhiều khi lương-tâm sáng-suốt của họ nhủ họ đừng nhẫn tâm bóc-lột những nhà văn, nhà báo làm vậy, nhưng cái tính xấu, cái lòng đê-tiện bủn-sỉn, cái óc lý-tài nhỏ-nhặt nó mạnh hơn, át đi, rồi họ cứ lần theo vết xe cũ, suốt đời chỉ chuyên môn xem báo mượn !

Nên, rau nào sâu ấy, suốt thế-hệ ấy qua thế-hệ khác, cha bảo con, chú nhủ cháu, anh dặn em, hùa nhau ăn cắp, bóc-lột làng văn, làng báo bằng sự xem sách, xem báo mượn !

Mà họ có nghèo gì cho cam ! Đối với việc xem báo ích cho họ, ích cho thân-nhân họ, thì họ ăn lận ăn lừa, suy tính từng ly ! Nhưng ở những chốn yên-hoa, họ vung phá tiền của một cách điên-rồ : chi răm bảy chục một chầu hát, sắm bạc nghìn cho tình-nương mà không bao giờ họ ngần-ngại !

Chúng ta thường thấy mỗi khi mời một người quen mua báo thì họ ngần-ngừ, do-dự, coi như

Xem tiếp trang 23

CỘT ĐỒNG MÃ-VIỆN

Ứng-Hoè Nguyễn-văn-Tố

SỬ ta và sử tàu đều chép năm Kiến võ thứ 18 (theo lịch tây là năm 42 sau kỷ-nguyên), một vị danh-tướng đời Hậu-Hán tên là Mã-Viện đem quân sang đánh bà Trưng, rồi giồng hai cột đồng « để nêu công » (*dĩ biểu công*, xuất-xứ ở *Trung-quốc nhân-danh đại từ-điển*, trang 868) và « làm giới-mốc cùng-cực cho nhà Hán » (*Thông-điển* của Đỗ-Hựu nhà Đường, quyển 188, trang 11 b).

Hai cột đồng ấy dựng ở đâu?

Quyển *Hậu-Hán thư* (quyển 54, trang 4 b) dẫn *Quảng-châu ký* chỉ chép có một câu rằng: « Viện đáo Giao-chỉ, lập đồng-trụ vi Hán chi cực-giới dã », nghĩa là: Mã-Viện đến Giao-chỉ, dựng cột đồng làm bờ cõi cùng-cực của nhà Hán.

An-nam chí-lược chép « xưa truyền động Cổ-xâm ở Khâm-châu có cột đồng của Mã-Viện thề rằng: « Đồng-trụ triết, Giao-chỉ diệt », nghĩa là: Cột đồng gẫy thì Giao-chỉ chết. Người Giao-chỉ đi qua ở dưới, thường lấy ngói, đá ném vào, bèn thành gò ».

Đại-Việt sử-ký toàn thư (ngoại-kỷ, quyển 3 trang 3 a) cũng chép như thế, nhưng không viết là Cổ-xâm, viết là Cổ-lâu (1)

Đại-Việt sử-ký tiền-biên (ngoại-kỷ, q. 3, t. 9 a 5 chua thêm một câu rằng: « Khâm-châu ở phía tây châu Hải-đông nước ta ba trăm dặm, có núi Phân-mao; ở giữa núi có cột đồng lớn độ hai thước. Khoảng năm Nguyên hòa (806-820) nhà Đường, Đô-hộ là Mã-Tổng dựng cột đồng ở chỗ cũ của nhà Hán ».

Đại-Việt sử-ký toàn-thư (q. 3, t. 3 b) nói là để « *ghi chép* công-đức họ Mã, tỏ Mã-Đồng là giòng-giỗi Phục-ba (tức là Mã-Viện), nay chưa rõ ở đâu ».

An-nam chí-nguyên (q. 1, t 5) chép có một cột đồng ở Khâm-châu, một cột đồng ở Tư-minh; ở Lâm-ấp (Chiêm-thành) cũng có.

Xét *Lâm-ấp ký* chép cửa bể nhờn ở Lâm-ấp có năm cột đồng. Khoảng năm Thiên-bảo nhà Đường 742-755) Hà-lý-Quang đánh Vân-nam, thu thành An-ninh, dựng cột đồng để định bờ-cõi; cũng chưa rõ ở đâu. Lại xét *Hoàn-vũ ký* chép Hoan-châu, Cửu-đức, nhà Hậu-Hán sai Mã-Viện đánh rợ Lâm-ấp. Mã-Viện tự Giao-chỉ tìm góc bể mở đường bên cạnh để lánh nạn ven bể, theo phía nam huyện Đăng xương đến quận Cửu-châu, tự Cửu-châu giở về phía nam, theo núi trặt cây mở đường bộ đến quận Nhật-nam, lại đi về phương nam hơn bốn trăm dặm đến nước Lâm-ấp, đi về phía nam hơn hai nghìn dặm có nước Tây-đồ-di (có sách chép là Tây-tiết). Mã-Viện đến nước ấy đúc hai cột đồng ở cõi phía nam Tượng-lâm, cùng nước Tây-đồ-di chia cõi để chép công-đức nhà Hán » (xuất-xứ ở *Đại-Thanh nhất thống chí*, q 422, t. 4 a).

Xem như thế cũng vẫn chưa biết rõ cột đồng của Mã-Viện dựng ở đâu. Quyển sử tàu nào

HAI QUYỂN SÁCH ĐÃ IN HÀNG MẤY VẠN

rất hợp cho các giáo viên dạy ở các trường Sơ-đẳng và các trường Hương-sư

VẬN VĂN BÁCH TUYỂN
của DƯƠNG-TỤ-QUÁN
Vừa in lại xong lần thứ 7, nghìn thứ 18
100 bài học thuộc lòng xếp đặt từ dễ đến khó, dùng ở các lớp từ Đồng-ấu đến Sơ-đẳng, rất tốt.
Giá 0p.50

TẬP BÀI THI BẰNG SƠ-HỌC YẾU-LƯỢC
của DƯƠNG-QUẢNG-HÀM và DƯƠNG-TỤ-QUÁN
Vừa in lại lần thứ 8, nghìn thứ 24
Đủ cả âm-tả, luận quốc-văn, tính đố và dịch chữ Pháp.
Giá 0p.55

Đều được Hội-đồng duyệt sách cho dùng trong khắp các trường Pháp-Việt ở Đông-dương

Bán tại hiệu sách Đông-Tây, 195 Hàng Bông Hanoi — Mua nhiều có trừ hoa hồng hậu

cũng chép *tương truyền* ở động Cổ - xâm (hay Cổ-lâu) thuộc Khâm-châu » (xem *Khâm định Việt-sử thông-giám cương-mục*, q. 2, t. 13b).

Mà lời thề của Mã - Viện (*Đồng - trụ triết, Giao - chỉ diệt*) cũng chép theo *tục truyền*, chứ không căn-cứ vào đâu cả. Chính những quyển sử tàu cổ nhất, như quyển *Hậu-Hán thư*, cũng không chép lời thề ấy (2).

Vậy tự nay giở đi, sử ta chớ nên chép lời thề ấy nữa, vì không hay gì mà lại không chứng-cư vào đâu cả.

Sở dĩ có người Tàu bịa ra lời thề ấy, là vì có câu chuyện này: « Vi-công-Cán làm thứ-sử Ái-châu, ở đấy có cột đồng của Phục-ba để nêu bờ-cõi. Công-Cán lợi-dụng muốn đem bán. Dân chỗ ấy không biết của Mã-Viên đúc, bảo là của thần, khóc nói rằng : « Nếu ngài quả hủy-hoại, thì lũ chúng tôi bị thần bề giết.» Công Cán không nghe, trăm họ chạy kêu đô - đốc là Hàn-Ước. Hàn-Ước đưa thư làm nhục, Công-Cán mới thôi » (xuất - xứ ở *Lĩnh - biểu lục-dị*, quyển thượng, trang 4 b ; *Thái-bình hoàn-vũ ký*, q - 171, t. 4 a).

Sau muốn giữ cho cột đồng được toàn-vẹn, mới có người bịa ra lời thề trên kia.

Dù thế nào chăng nữa, nếu không có bằng-cứ đích-đáng, thì không nên chép nữa.

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

---

(1) Các sách tàu thường chép là Cổ-lâu. Theo quyển Trung-quốc địa-danh đại từ-điển, *Cổ-lâu là tên thành nhỏ ở Quảng-đông, phía đông huyện Thuận-đức sát dặm. Còn Khâm-châu nay là tên huyện. Quyển* Từ-nguyên *(trang 188) chép «nhà Tuỳ đặt ra Khâm châu, thành cũ nay là phía đông-bắc Khâm-huyện Quảng-đông ; nhà Tống dời ra Linh-sơn, sau bỏ ; nhà Nguyên lại đặt là Khâm-châu ; nhà Thanh thăng làm Trực-lệ-châu, thuộc Quảng-đông ; Dân-quốc đổi làm Khâm-huyện, làm Quảng đông Khâm, Liêm đạo trị.»*

(2) Hoặc giả có người bảo: «Những điều lặt vặt như thế sử tàu chép đâu đến!» Ấy thế mà chép cả, xem chuyện Công-Cán kể trên kia với chuyện sau này cũng đủ biết : « Mã-Viện bấy giờ dựng cột đồng ở Giao-chỉ để làm giới hạn cùng-cực của nhà Hán. Du-Ích-Kỳ cùng Hàn-Khang-Bá chua rằng : Mã-văn-Uyên (tên tự Mã-Viện) dựng hai cột đồng ở bắc ngạn Lâm-ấp có để quân lại hơn mười nhà, không giở về, ở nam ngạn Thọ-lãnh đối với cột đồng. Hết thảy là họ Mã, tự lấy nhau, nay có tới hai trăm họ. Giao-châu cho là lưu lạc ở đấy, gọi là « Mã-lưu », cách nói năng ăn uống cũng như nước Tàu. Núi sông di dịch, cột đồng nay ở trong bể chính ; nhờ dân ấy, mới biết được chốn cũ (xuất xứ ở Tư-trị thông-giám bổ-chính, *q.43, t. 7 a,* Thái-bình hoàn-vũ ký, *q. 171, t. 8 a).*

1er SEPTEMBRE 1941

Bắt đầu khai trương

NHÀ IN HÀN - THUYÊN

53, phố Tiên-Tsin Hanoi

Nhận in đủ các sách vở, báo chí, giấy tờ

ẤN LOÁT MỸ THUẬT
CÔNG VIỆC NHANH CHÓNG
GIÁ TÍNH PHẢI CHĂNG

Giám-đốc: Nguyễn - xuân - Tái

Cánh nhỏ, nước xanh, hương thơm hơn các thứ chè khác

CHÈ TRUNG - LƯƠNG

Kính trình độc-giả Báo Tri-Tân
Xem báo nên khoe chúng bạn gần
Chè hiệu Trung-Lương mua uống thử
Chữ rằng tương ái hóa tương thân

x

Chữ rằng tương ái hóa tương thân
Nam Bắc Trung-xa ấy cũng gần
Đường lối giao thông ba sứ lại
Nước non bao phủ mấy mươi lần

Chủ nhân :
PHẠM - VĂN - CƯỜNG
TRUNG - LƯƠNG
129, Rue Duvillier
HANOI

NGHỆ - THUẬT

LETAO

NGHỆ-thuật là gì?

Nghệ-thuật là một vấn-đề rộng-rãi và rất huyền-hồ, vì nó thuộc tâm-hồn và tình-cảm.

Ta bãy tạm gọi nghệ-thuật là một sự cố gắng để tìm cái đẹp và để trình-bầy nó ra. Lòng cố-gắng ấy không có tính-cách vụ lợi chi cả, cho nên người ta thường ví nghệ-thuật như một trò chơi. Vì ta yêu, ta thích mà tạo ra một tác-phẩm cũng như ta đùa rỡn vì ta tiêu một ít sức hoạt-động trong ta. Nhưng nghệ-thuật nó cao-siêu và phức-tạp hơn trò chơi nhiều.

Muốn tạo ra một tác-phẩm thì nhà nghệ-sĩ phải xúc-động trước đã. Nghệ-sĩ phải có cảm-hứng. Vậy thế nào là cảm hứng?

Lòng nghệ-sĩ chứa đầy tình-cảm và ý-tưởng. Những tình ý ấy bị chôn sâu trong tiềm-thức của nghệ sĩ bởi hai duyên cớ:

Một là nhờ ở thiên nhiên và ở di-truyền, hay ở nòi giống cũng thế. Như một hạt giống có hạt tốt, hạt xấu, con người ta sinh ra có người có thiên tư hơn đời, cũng có người chứa đầy mầm xấu.

Nhưng mầm tốt mà không chăm nom thì nó cũng héo hắt đi mất: tuy có mầm xấu mà nhất định giệt nó đi thì nó nẩy nở làm sao được. Đó là duyên cớ thứ hai. Cách này nhờ ở sự từng trải, sự nhìn nhận, nhờ ở hoàn cảnh thuộc về địa-dư hay lịch sử, nhờ ở giáo dục hay sự rèn luyện lấy.

Tất cả những ảnh hưởng ấy chất ở trong nhà nghệ sĩ những tài liệu để tạo ra những tác phẩm sau này. Nhờ ở sức mạnh điêu luyện của tiềm thức, tất cả những cảm tình, những ý tưởng, những hình ảnh và những kỷ niệm lượm lặt trong cuộc đời nhà nghệ sĩ thành ra một thống hệ duy nhất và đặc biệt.

Một giây phút kia vì một sự xúc động nào đó, cái cửa ngăn đôi tiềm thức và tri thức chợt bị xô đẩy. Các ý tình cùng hình-ảnh và kỷ niệm tràn vào thế giới của tri thức. Cuộc cách mệnh ấy, sự thoát ly ấy xẩy ra một cách đột ngột và mau lẹ. Đó là cảm hứng.

Vì thế cho nên lúc có cảm hứng, nghệ sĩ như bị chói lòa bởi những ánh sáng và hình-ảnh mới mẻ. Nghệ sĩ có cảm tưởng rằng những ý tình ấy ở đâu lại. Nếu lòng nghệ sĩ giầu và tràn đầy thì nghệ sĩ có thể tạo ra một tác phẩm rất linh động. Trái lại, nếu chỉ có một cảm hứng ngắn ngủi với một vài tình cảm nghèo nàn thì tác phẩm của nghệ sĩ sẽ dở dang hay khô khan, cằn cỗi.

Tạo ra một tác-phẩm là kéo lại cái thế quân-bình của lòng mình trước khi bị xúc-động. Bởi thế cho nên ta không thể nói rằng nghệ-sĩ chỉ rung-động một lần đầu tiên rồi tạo ra tác-phẩm. Sự thật là chính nghệ-sĩ bị xúc-động trong suốt cái thời-giờ để tạo ra tác phẩm ấy. Giây đàn lòng của nghệ-sĩ run-rẩy từ lúc bắt đầu tạo-tác cho đến lúc hoàn thành. Có cái cảm hứng ban đầu rồi lại phải có những cảm hứng liên-tiếp theo sau.

Những cái cảm-hứng ấy nó đến với nghệ-sĩ một cách như thế nào?

Bạn thấy một thiếu nữ xinh-tươi đang lững thững gót sen trước mặt bạn. Bạn mê mải với cái sắc kiều-diễm của nàng. Bạn không hề nghĩ đến nàng sẽ có ảnh-hưởng đến cuộc đời của bạn ra làm sao, bạn không tính-toán rằng nàng có thể làm cho bạn sướng hay khổ. Bạn chỉ nghĩ đến cái đẹp của nàng. Bạn chỉ mê-man ngắm nàng. Bạn yêu nàng bằng một mối tình vô-tư và lãng-mạn. Nghệ sĩ là một người chỉ ngắm và cảm thôi, không tính-toan gì, không ích-kỷ, không đòi-hỏi... Đó là một người chỉ biết nói một câu: « Đẹp »!

Vậy cảm-hứng nó đến với nghệ-sĩ một cách rất hồn-nhiên, không có gì dính líu với đời thực-tế. Tâm-hồn nghệ-sĩ lúc bấy giờ trong-trẻo hình như tiếp xúc với những ý tình cao-cả của đất trời...

Nhưng nào phải chỉ có cảm-hứng, rung-động và tâm-hồn nghệ sĩ mà đã đủ đâu. Trước một cảnh đẹp trước một ý hay, thường ai chẳng cảm-xúc? Họa chẳng có ít với nhiều và

mỗi người mỗi khác. Phải diễn đạt cái cảm-xúc ấy ra mới gọi là nghệ-thuật; không diễn đạt ra được không phải là nghệ-sĩ.

Trong nghệ thuật, những ý dở-dang, những tác phẩm chưa hoàn-thành hay tầm-thường đều không có giá trị gì cả. Đừng nói chuyện tạm được hay lầm-lỗi trong nghệ-thuật. Nghệ-sĩ phải là người biết nghề đã.

Nhưng chữ « nghề » đây phải hiểu theo với từng nền mỹ-thuật và từng tâm-hồn nghệ-sĩ một. Trong nghệ-thuật không có những đinh-lệ khắc-khổ bất di bất dịch. Chỉ có những đinh-lệ chung rất rộng-rãi. Đã có nhiều nhà phê-bình dựa vào những luật-lệ độc-đoán mà bình-phẩm một cách nghiệt ngã và sai lạc. Những niêm luật của thơ Đường đã làm cho thơ ta có vẻ khuôn-khổ khó mà diễn tả nổi những ý tình mạnh-mẽ và rộng-rãi

Nhưng biết nghề, đâu phải là chân nghệ-sĩ. Các bạn hãy nhìn các ông thợ vẽ: Nét bút của họ cũng tài-tình, cũng người xinh, hoa thắm, cũng chim bay, cá lượn. Nhưng nó không sống; nó chỉ là kết quả của một ông thợ. Các nền mỹ thuật khác cũng vậy, cũng có những ông thợ bắt chước rất khéo. Nếu không sành và không chịu khó suy xét thì ta lầm ngay.

Hãy thử đọc những bài thơ, hay nói cho đúng những bài văn có vần; nhau nhản trên những tờ báo buôn bán: Đọc qua một lượt, ta cảm thấy bỡ ngỡ vì chưa hiểu gì cả! Với những chữ cầu kỳ, với những câu bí hiểm và loè nạt, ta tưởng trong đó có những ý thâm trầm và cao cả. Nhưng chọc cái thùng sắt tây sơn quang dầu ấy ra, ta chỉ thấy rỗng không!

Lại một thí dụ về lịch sử: đó là bức tượng Balzac của Rodin. Khi nặn xong, báo Figaro và những người phản đối ông chê bai đủ điều, cho là ông không hiểu gì về mỹ thuật cả! Họ nặn một con chim bồ và bảo đó là tượng Balzac của Rodin. Có người hỏi thì Rodin trả lời: « Đây là tôi muốn nặn giống Balzac thật, Balzac với cả tâm hồn và lý tưởng của ông ta. Nếu bức tượng này không phải một chân tác phẩm thì nó sẽ chết. Trái lại, nếu thật là một tác phẩm thì nó sẽ sống mãi mãi ».

Quả nhiên về sau người ta mới chịu hiểu Rodin và hiện nay bức tượng Balzac vẫn được bày ở Musée du Louvres bên Pháp.

Biết bao nghệ sĩ đã phải chung số-phận của Rodin mà chôn vui tên tuổi dưới sự không hiểu vì lười biếng và ghen ghét của người đời!

Biết bao tay thợ đã nổi tiếng vì khéo bịp bằng bề ngoài, bằng quảng cáo và vì sự tâng bốc của một bọn người tầm thường và buôn bán.

Nhưng dầu sao, một người không hiểu, trăm nghìn người không hiểu, một thế hệ không hiểu, chứ nhân loại không bao giờ lầm. Và những tác phẩm chân chính sẽ sống mãi mãi với thời gian. Cho nên công việc của nhà nghệ sĩ là làm cho tác phẩm mình có thể tồn tại được, chứ không phải là để đắc thắng; phải phụng-sự nghệ thuật, chứ không phụng-sự vinh-quang.

LE TAO

TẠP TRỞ

Thành BABYLONE, *quê-hương của toán-học*

XƯA nay những người Hi-lạp vẫn có tiếng giỏi về toán học. Người ta muốn biết căn-nguyên về việc đó.

Năm ngoái, một nhóm các nhà thông-thái Mỹ mới giải-thích một cuốn sách về toán học do những người ở thành Babylone làm đã trên 2 nghìn năm trước Thiên-Chúa giáng-sinh.

Cuốn sách đó có 44 bản lớn bằng đất thó, chứng rằng hàng nghìn năm trước các nhà thông thái Hi-lạp mà người ta coi như đã lập ra toán học, đã có một dân tộc biết dùng những bản cửu-chương (table de multiplication), đã biết lấy con zéro làm số không, đã biết đại-số học (algèbre) với « nhị thứ phương trình thức » (équation du second degré). Cả tới cái « đề Pythagore » (théorème de Pythagore) cũng thấy nói trong cuốn sách đó.

Thật những nhà thông thái Mỹ đã tìm được một sự mới lạ về nguồn gốc toán-học.

(Messidor)

MẠNH-PHAN dịch

Anh-hùng với giai-nhân

SỐ 2 Quang-Trung và Ngọc-Hân Công-Chúa

am-G a

NGÀY mồng mười tháng bẩy, dẫn sinh-lễ, Nguyễn-Huệ sai đem hai trăm lạng vàng, hai mươi cây vóc, lại trân-thiết nghi-trượng kỳ-xí, phái vàn-thần đem dâng trước đền Vạn-thọ. Vua Lê sai hoàng-tử Lê-duy-Cần, — Sùng-nhượng-Công, — tiếp thư và lễ vật đem cáo Thái-miếu, lại gọi các hoàng-thân, phi-chúa cùng các quan văn võ sắp-sửa ngựa xe trước đền để đưa công-chúa về phủ.

Mười một tháng bẩy. Ngày hôm nay là cái ngày mọi người mong mỏi, từ Nguyễn-Huệ, Ngọc-Hân đến hoàng-tộc, thứ-dân. Từ cửa đền đến cửa phủ, vệ-binh đứng sau-sát hai bên đường, nghi-vệ rất trang-nghiêm. Sau hai hàng vệ-binh, người ta có thể nói, tất cả người đế-đô đang chen-chúc nhau chật như nêm cối. Nguyễn-Huệ sai quan đang tờ tập-tấu xin đón dâu về...

Chúng ta bây giờ sinh sau một thế-kỷ rưỡi, lại thiếu tài-liệu, không thể tưởng-tượng được cái uy-nghi của đám cưới; nhưng hẳn vẻ tôn-nghiêm loa-lẹ của nhà vua với cái giản-dị khắc-khổ của nhà tướng đã được hòa-hợp để đám cưới thành ra có một không hai trong sử nước nhà, để trăm họ được suýt-soa trông thấy một đám rước toàn vàng, toàn bạc, toàn ngà, toàn nhiễu, toàn vóc, một đám rước đủ các màu-sắc giữa hai hàng gươm giáo sáng-lòa.

Khi rước xe công-chúa vào đến cửa phủ cách vài trăm bước, Nguyễn Huệ ngồi kiệu thếp vàng ra đón như lễ nhà thường. Công chúa vào phủ. Nguyễn-Huệ mời các hoàng-thân, phi-chúa cùng văn võ đại-thần vào dự tiệc.

Đến đây, tôi tưởng không ai là không thấy tình tò mò của mình tai-ác hơn lúc thường, như muốn thôi-thúc chúng ta tìm-tòi cho biết buổi tiệc ấy ra sao. Song nhà làm sử nước ta đến đây im bặt. Dẫn lòng vậy! Ta cứ nhủ: bữa tiệc cưới em một Hoàng đế chắc phải « đế-vương » lắm.

Tiệc tan, Nguyễn Huệ lại sai đem hai trăm lạng bạc làm đồ tống-tặng đưa tiễn các quan ra đến ngoài cửa phủ mới trở vào.

Từ bốn hôm nay, Ngưu lang, Chức-nữ lại trở lại với đàn trâu, khung cửi, mắt còn chưa khô hàng châu đêm Thất-tịch, lòng còn bâng-khuâng nỗi ly-biệt trên sông Ngân. Nguyễn-Huệ tạm quên những quá-anh nơi sa-trường mà vui nơi trướng gấm với người bạn mới. Có kẻ tin dị-đoan lo-ngại: Cuộc hôn nhân nhằm tháng Ngâu. Không hiểu Nguyễn-Huệ có thấy mưa Ngâu sùi-sụt mà sợ không, chứ ở lòng công-chúa Ngọc-Hân thật vắng bặt nỗi âu-lo:

« Rút giây vâng mệnh phụ-hoàng,
Thuyền lan, chèo quế thuận đường vu qui.
Trăm ngàn dặm quản chi non nước,
Chữ nghi-gia mừng được phải duyên! »

(Ai-tư-vãn—Ngọc Hân công chúa)

II

Nhớ lại lúc Nguyễn hữu-Trỉnh dò ý Nguyễn Huệ về việc công-chúa Ngọc-Hân. Nguyễn Huệ cười mà rằng:

— Xưa nay người chính phụ, tình vợ chồng lại cách thế làm, Hoàng thượng cũng soi biết ý thế rư?

Câu nói thật tự nơi tâm-khảm mà ra, đã gồm một chân lý muôn năm vẫn đúng, lại tóm tắt cả cái ý an-niệm về tình-ái của Nguyễn Huệ.

Bơi đầm trong sông máu đỏ lòm, gầm chân trên núi thây tanh-thối, Nguyễn-Huệ vẫn còn dành một góc lòng ấm-áp để thương yêu vợ con. Vì vậy, sự đối-đãi với Ngọc-Hân công-chúa thật trung-hậu, thật chí tình.

Ngay từ buổi đầu, sự hòa-hợp đã làm yên lòng cô gái lầu son gác tía:

« Sang yêu muôn đội ơn trên,
Rõ-ràng về thúy nối chen tiếng cầm ».

(Ai tư-vãn)

Sự hòa-hợp đã đem lại lượng khoan dung. Người tướng nghiêm-khắc với ba quân, có khi chém người vì một cái cười, — như chém tên lại-phiên lúc tế thành phục vua Hiển-tôn, — mà mỗi lời là một lệnh ngươi tướng ấy, trong gia-đình, lại là người chồng dịu-dàng sẵn lòng tha-thứ những vụng-lầm của một người vợ dịu-dàng nhưng còn quá trẻ; người ấy dậy vợ từ chân tơ kẽ tóc Khi vào Nam, khi ra Bắc, việc binh việc nước bề-bộn, nhất là khi đế-nghiệp nhà Tây-sơn mới lờ-mờ hiện trong một hồn-mang mù-mịt, nhưng những khi nhàn rỗi cũng ra sân thưởng trăng, thưởng gió, cũng vui-vầy sênh-ca nơi gác phượng, cũng trước gương chung bóng với người yêu.

Có lần, một vị thượng-quan định dâng con gái cho một vị Hoàng đế, vị Hoàng-đế nói: « Cung trăm chỉ là một ngục-lao »! Ý bao cái kiếp vợ vua là khổ. Nhưng theo cái sống của công-chúa Ngọc-Hân khi sinh-thời « vua chồng », cung vua còn hơn là chốn ngọc-đài. Công-chúa cũng không phải là không biết, nên có lần thưa với Huệ: « Chỉ một mình thiếp được sánh với Thượng-công, vì như hạt mưa trên trời, hạt nào được rơi vào chỗ đài-các là sự may của thiếp ».

Quả vậy. Thật là đại-hạnh cho công-chúa. Hạt mưa từ nơi trướng gấm lại được sa vào nơi trướng gấm, lọt trùng giữa một chiếc bình

pha-lê trong suốt, đã tránh được vũng bùn bẩn-thỉu, lại còn xa cả mặt trời gay-gắt. Nguyễn-Huệ tin yêu công-chúa lắm, có khi chiều-chuộng là khác. Lúc vua Hiển-Tôn băng, công-chúa nghĩ anh thân hơn cháu, muốn dành ngôi báu cho Sùng-nhượng-Công ; Nguyễn-Huệ nghe theo và không ưa đích-tôn, muốn hoãn lễ đăng-quang lại. Sau vì quận Vượng không can-hiệp, có lẽ lễ tấn-tôn Lê Chiêu-Thống không bao giờ cử.

Sau đây, Nguyễn-Huệ được vua Tàu sách phong, khi làm lễ tuyên-phong rồi, bèn lập bà Ngọc-Hân làm Bắc cung Hoàng-hậu. Nước non có biến-đổi ; lòng người vẫn như xưa.

« *Dù rằng non nước biến dời*
Nguồn tình ắt chẳng chút vơi đâu mà ».
(*Ai-tư vãn*)

Nhưng muốn đo lòng Nguyễn-Huệ thương yêu công-chúa Ngọc-Hân, có lẽ không có cái thước nào tốt hơn chính sự đối đãi của Nguyễn-Huệ với « nhạc gia ».

Thương hoa thì đoái cội. Vua Hiển-Tôn bệnh ngày một trầm-trọng. Nguyễn-Huệ muốn kịp khi vua còn đương sống ra ngồi chịu triều-hạ, để mừng sự-nghiệp nhất thống. Tuy mang bệnh trong người, ngày rằm tháng bảy vua cũng ra ngự-tọa : hai tai già mơ hồ vọng nghe ba phát sung hiệu ở thành ngoài đột nổi giữa tiếng nhã-nhạc du dương ; hai mắt lim dim trông trăm quan theo ban triều-hạ. Sống bảy mươi năm, trị-vì bốn mươi năm, có lẽ nhà vua buổi hôm nay mới mừng được thấy uy-nghi nước cũ, lại vui được rề hiền lương-đống. Vua hẳn tưởng mình đã từ địa-ngục lên thiên-đường. Nhưng thực ra, vua cũng gần thiên-đường lắm, nên hôm sau thăng-hà.

Trước lúc buông xuôi hai tay, ngài dặn đích-tôn : « Ta nhắm mắt rồi, các việc nhớn phải bàn Thượng-công cả, đừng có coi thường ».

Lời di-chúc của phụ-vương, Nguyễn-Huệ không phải là không kính cẩn. Nguyễn-Huệ lập đích-tôn làm Hoàng-đế. Đoạn, muốn tính xong việc tang lễ để cho toàn đạo làm rể, mới kén ngày tống táng. Nguyễn-Huệ sai làm đủ nghi tiết, lại phái ba trăm lính đi hộ-tang, đưa đến bên sông, chờ khi linh-cữu để yên trên thuyền xong, phát-dẫn về Thanh-hóa, rồi mới về phủ.

Nói tóm lại, Nguyễn-Huệ đã khôi-phục trật tự trong một triều-đình hỗn độn, đem uy-nghi cũ trả lại một nước lúc tàn vong.

« *Triều-đình còn dấu chung thường,*
Tùng-thu còn nấm mấy hàng xanh xanh »
(Ai-tư-vãn)

há không phải tự tấm hậu-tình của Nguyễn-Huệ ?

Mà đâu có riêng cho một vua Hiển-Tôn. Các con cái ngài cũng được tốt tươi lây :

« *Lòng đùm bọc, thương hoa đoái cội,*
Khắp tôn-thần cũng đội ơn sang ».
(Ai-tư-vãn)

Đó là chưa kể cái nghĩa tôn-phù mà tôi sẽ nói tới một khi khác ; người ta vẫn bàn cãi nhiều về chữ « tôn-phù của Nguyễn-Huệ, song chúng ta nghĩ sao đây khi một người con gái vua Hiển-Tôn cũng phải nhận :

« *Tự cờ đỏ trỏ vời cõi Bắc,*
Nghĩa tôn-phù vằng-vặc bóng dương » !
(Ai-tư-vãn)

Được một người chồng biết thương yêu mình, biết quí trọng cha mẹ mình, biết nghĩ đến cội rễ mà che chở anh em, mà giữ gìn từ nghi lễ đến tùng-thu, công-chúa Ngọc-Hân có viết :

« *Chữ nghi-gia mừng được phải duyên* »
(Ai-tư-vãn)

cũng chỉ là viết theo sự thực, có :

« *Những ao ước chập chùng tuổi hạc,*
Nguyền trăm năm ngõ được vui vầy ».
(Ai-tư-vãn)

cũng chỉ là ao ước tự nhiên.

Than ôi ! ao ước đâu có phải trong phạm-vi người trần ! Tạo-vật đã đem cả tinh-hoa trong trời đất để kết mối lương-duyên, lại vội ghét ghen, đang tay dứt sợi tơ hồng khăng khít !

Mười sáu tuổi vui chữ vu-qui ; hai mươi hai ra người sương-phụ. Văn-tự loài người có lẽ cũng bất-lực trong những trường-hợp này, vì văn tài nào tả nổi nỗi thương-tâm của công-chúa ? Có chăng chỉ sóng vỗ ngoài khơi, gió lùa trên núi, hay những buổi sùi sụt mưa như đêm Thất-tịch hay mù mịt như ngày đông, mới gợi nổi trong trí người tiếng thổn thức lâm-ly cùng nét mặt ủ-rũ của công-chúa ? Nỗi đau khổ rộng quá ! Nỗi đau khổ sâu quá ! Quang-Trung hoàng-đế tịch đi, Bắc-cung hoàng-hậu đâu chỉ mất một người chồng, hậu còn thiệt cả tay kiều-sở của non sông Lê cũ ; hậu đâu chỉ cạn một nguồn tình chưa bao giờ vơi, hậu còn thiếu cả di-mưu cho hai đứa con nhỏ dại. Cố nhiên mặt trời hạnh-phúc ngả bóng từ đây, và cũng từ đây bắt đầu chuỗi ngày ảm-đạm... Rồi đây, ròng rã tam nam trường, thay hình đổi dạng, nay chỗ này, mai chỗ khác, hậu sống nốt một cuộc đời đã chết, sống vất-vơ vất-vưởng trong gian-nguy, sống với kẻ khuất nhiều hơn với người còn, chỉ tâm-niệm gây dựng cho hai con, một trai, một gái.

(*Còn một kỳ nữa*)

TAM - GIA

Về số đặc biệt nói tới Trần-Hưng-Đạo, các độc-giả có những tài liệu gì xin gửi cho bản chí, bản chí rất hoan nghênh và sẽ có báo gửi biếu.

NGUYỄN-VĂN-THẮNG
(1769 — 1832)

Tiếp theo và hết

NGUYỄN TRIỆU

MỘT ngày kia, vào hồi tháng Juin 1802, đức Cao-Hoàng, trong lúc đang vui chuyện với J-B. Chaigneau, có phán rằng: « Sao khanh không xem trong các quan văn võ tại Triều, ai có con gái lớn, hãy nói với đức-thày Verène để đức cha xem các con chiên trong bổn-đạo có con nhà nào ngoan đạo thì tìm cho một người vợ đẹp Annam, chứ làm quan đại-thần mà độc thân thì người ta cười! Năm ấy Chúa tàu Long đã 33 tuổi.

Cách vài tháng sau, ngày 10 Août 1802, J-B. Chaigneau làm phép cưới trọng-thể ở nhà thờ Tnợ-đức với cô *Benoite* Hồ-thị-Huề là lệnh-ái ông Hồ-văn-Hưng (1).

Sang đến năm sau, ngày 25 Juin 1803, ông bà Chaigneau sinh cậu Đức (2) tức là Michel Đức, tác-giả cuốn « *Souvenirs de Hué* » xuất-bản năm 1867. Rồi từ đấy đến 12 Septembre 1815 là ngày bà mất, trong 12 năm đẻ 11 lần, chỉ còn lại bốn con trai là *Michel* Đức, *Joseph* Nhàn, *Pierre* Địu, *François Xavier* Ngãi và một gái là *Anne* Trinh.

Còn những con khác mất khi mới sơ-sinh là Thế, đẻ năm 1804, Phước 1805, Đằng 1806, Sanh 1807, Hữu 1810 và Nghi 1812 cũng đều táng cả ở gần mộ Bà Hồ-thị-Huề ở Phước-quả (Phủ-cam), Nhàn mất tại Saigon Mars 1815 và Nghi nữa mất khi mới đẻ táng nơi khác.

Khi bà họ Hồ mất rồi, để lại 5 con, ông Long « gà sống nuôi con », nhiều bề vất vả! Không kể số tôi-tớ, ông lại còn 50 tên quân của nhà vua cấp cho, thế mà thất nội-trợ thì còn ai cai quản trong nhà cho ông được? Cách hai năm sau, hết tang bà họ Hồ, ngày 15 Janvier 1817 ông mới làm lễ cưới bà kế là Hélène Barisy tại nhà thờ Phủ-cam. Hélène Barisy là con gái ông Mân, Laurant Barisy (3) mới 17 tuổi, cưới đầu năm thì cuối năm, 6-12 1817, đẻ *Louis* Thương, 3-7-1819, đẻ *Henry* Quang. Khi về Pháp nghỉ, 14 9 1820 đẻ *Marie* ở Albi; khi trở sang Huế, 8 4-1822, đẻ *Jean* Sau về Lorient, 16 9-1826, đẻ Marie (Naïse) và đến 25-8-18 đẻ *Edouard* cũng ở Lorient.

Tại Triều, các quan ta thấy Chaigneau lập được nhiều công, lại được đức Cao-Hoàng thường ban khen và trọng thưởng, thì đem lòng ghen ghét. Mà cả đến Bách-đa-Lộc, khi còn sống, cũng bị vào cái cảnh-ngộ ấy! Cho nên, sau khi đức cha Cả mất tại Qui-nhơn (ngày 9-10-1799) thì những người Pháp làm quan với Nguyễn-vương đều ngã lòng, cháu-nản, nhớ nước, nhớ nhà, bỏ đi gần hết. Trong số mươi mười lăm người còn ở lại trong xứ, chỉ còn có bốn người theo vua Nguyễn là Barizy, Vannier, De Forsant, và Chaigneau. Cũng vì thái-độ các quan ta, nên Dayot là quản chiếc tàu đồng và một chiếc tàu nữa cũng từ chức mà bỏ đi từ năm 1795 (Ất-mão).

Sau khi khắc phục thành Phú-xuân năm 1801, Barisy là ông Mân, quản tàu Loan-phi mất, kế đến De Forçant là Lê-văn-Lăng ốm nặng rồi cũng mất (4) trọi lại tại triều Nguyễn chỉ còn ông Thắng, quản tàu Long-phi là J-B. Chaigneau và ông Chấn, quản tàu Phụng-phi là Philippe Vannier.

Đã nhiều lần J-B. Chaigneau xin nghỉ về Pháp thăm nhà, song đức Cao-Hoàng không muốn cho. Sau mãi đến Novembre 1819 (Kỷ-mão) ngài mới bằng lòng cho về.

Ngày 13 Novembre 1819 tàu « *Henri* » nhổ neo, đưa J-B. Chaigneau và gia-quyến về Pháp nghỉ. Theo ông về có cả năm con bà cả họ Hồ là *Michel* Đức, *Joseph* Nhàn, *Pierre* Địu, *François-Xavier* Ngãi và *Anne* Trinh cùng bà kế là *Hélène Barisy* và hai con bà kế là *Louis* Thương, *Henri* Quang. (Quang còn bé quá, rồi mất ở trên tàu).

Đến ngày 14 Avril 1820, ông mới về đến Bordeaux sau khi biền-biệt lìa quê-hương hơn 28 năm trường, kể từ ngày bước chân ra đi, mới 12 tuổi, trên con tàu *Flavie*!

Ngày 12 Mai 1820, Chaigneau đưa cả gia-quyến về Albi ở, rồi lên đường đi Paris để cho các quan ở Pháp-đình nghe chuyện bên nước Nam. Vào bệ kiến Pháp-Hoàng là Louis XVIII, ông được thưởng bội-tinh « Croix de St Louis ».

Ngày 12 Octobre 1820, Pháp-hoàng ký giấy cho ông làm đại-sứ cho Pháp-hoàng và sai đưa quốc-thư sang cho Đại-Nam Hoàng-đế.

Nghỉ ở Bretagne chưa được bao lâu, nhân dịp có chiếc tàu *Larose* sang Đông-phương, ngày 1er Décembre 1820 ông lại được gia-quyến trở sang nước Nam.

Sang 17 Mai 1821, tàu *Larose* vào đến cửa Thuận, được tin chẳng lành là đức Gia-Long đã băng, J-B Chaigneau buồn-rầu, chán-ngán, đau-đớn, thương-tiếc vô cùng!

Sau khi vào bệ-kiến đức Minh-Mạng, dâng quốc-thư của Pháp-hoàng, Nguyễn-văn-Thắng được thừa-nhận ngay là Đại-sứ Pháp-hoàng và vẫn cứ giữ chức cũ là quản tàu Long phi như trước.

Ngày 16 Juillet 1821 ông Long tậu lại cái nhà của Hoàng-công-Lý (đang làm hiệp-trấn thành Gia-định) ở xóm Trung-bộ, giá là 1 600 quan tiền, để ở Sông về sau, trước khi trí sĩ về nước, Chaigneau lại bán cái nhà ấy đi.

Lẽ tất nhiên là ông lấy làm khó chịu: xưa kia được đức Gia-long khoan-dung bao nhiêu, bấy giờ lại bị đức Minh-mạng đối-đãi nghiêm-khắc bấy nhiêu, nên những khi tấu đối, không được tự-do dễ-dãi như trước!

Vì trong lúc thái-bình vô-sự, việc võ-bị cũng không cần đến mấy, nên binh-lính và khí-cụ mấy chiếc đại-chiến-thuyền Long và Phụng cũng giảm bớt nhiều.

Ngày 16 tháng 8 năm Minh-mạng thứ 5 (8 Octobre 1824), đức Thánh-Tổ xuống chiếu cho hai ông Thắng (Chaigneau) và Chấn (Vannier) trí-sĩ về Pháp.

Hai ông Thắng và Chấn buồn-rầu thơ-thẩn đưa gia-quyến ra Đà-Nẵng đợi từ 17 Novembre đến 11 Décembre để đon xem có ghé thuyền ta thì « quá giang » vô Đồng-nai để đáp tàu về Pháp.

Ngày 24 Décembre vào đến Saigon, hai ông làm phận-sự đầu nhất là đi viếng phần-mộ đức-thầy Bách-Đa-Lộc. Trước khi từ-giã nước Nam mà họ đã xẻ lo chia ngọt ngoài 30 năm đằng-đẵng, hai ông bấy giờ cảm thấy những buồn man mác, mông-mênh...

Sang đến năm sau, 7 Janvier 1825, ông Thắng ốm nặng; kế đến hai con là *Louis* Thương và *Joseph* Nhân cũng đau rặng rồi Nhân bị bệnh thiên-thời mất vào tháng Février hay Mars năm ấy.

Biết tin có chuyến tàu « Courrier-de-la-Paix » sẽ ghé Singapore lấy hành khách về Tây, ngày 21 Mars 1825, hai ông Chaigneau và Vannier tất-tưởi thuê thuyền buồm ta vội đi cho kịp để đáp tàu về cố-quốc. 6 Septembre 1825, Chaigneau đưa vợ con về đến Bordeaux. Vì thân-thuộc không còn ai ở Albi, nên ông định về luôn Bretagne với người em là Michel.

J. B. Chaigneau nay về Bretagne cùng bà kế với mấy người con là *Michel* Đức, *Anne* Trinh và *Jean* là con bà kế mới lên 4 tuổi.

Sau, ông lại về Lorient và mất tại số nhà 20 cour de la Réunion, hồi 2 giờ chiều, ngày 31 Janvier 1832, thọ 63 tuổi.

Con đầu lòng ông là Nguyễn-văn-Đức tức là *Michel* Đức Chaigneau (1803-1894) sống lâu nhất nhà.

Đời vua Tự-đức thứ 16 (Quý-tị 1863), ông Phan Thanh-Giản phụng-mạng sang sứ bên Pháp, có gặp *Michel* Đức ở Paris. Trong nhật-ký của sứ-bộ có ghi rõ ràng:

« Ngày 12 tháng 8 năm Tự-đức thứ 16, giờ tị (24 Septembre 1863) 10h00 có một người Pháp tên là Nguyễn-văn-Đức, con cả quan cố trưởng tàu Long-phi Nguyễn văn-Thắng tới nói đã cùng phụ-thân và cả quân tàu Phụng là Nguyễn văn-Chấn về ở Lorient, được 11 năm thì phụ-thân mất. Hỏi nay làm ăn gì, thì Đức nói là làm thư-ký cho quan Gám-đốc Ngân-khố tại Paris. Sau khi dùng trà, Đức cáo lui...

« . . . . . .

« Ngày 25 (7-10-1863), Tại Sứ-quán đãi tiệc, Nguyễn văn-Đức cũng có đến dự. Và lại có cả bà Madeleine *Nguyễn thị-Sen là Vannier phu-nhân (Nguyễn văn Chấn) cùng con giai Chấn là Nguyễn-văn-Lễ (ngoài 50 tuổi) và con gái Chấn là Marie Phu-nhân và Marie đều mặc quốc phục: khăn vành giây, áo thụng gấm. Họ nói khăn áo ấy có từ đời Gia-long, Minh mạng, do nhà vua ban cho cả. »*

Sau, *Michel* Đức Chaigneau cũng về ở Paris và mất ngày 14 Avril 1894 tại số 88, Avenue de Clichy, thọ 91 tuổi.

Những bằng-sắc của Nguyễn văn Thắng là J. B Chaigneau, Hội Société de Géographie ở Paris vẫn còn giữ đủ. Hồi năm 1922 đức Khải-định ngự giá sang Tây, Hội có tổ-chức một phòng triển-lãm trong thư-viện trưng bày đủ các bức truyền-thần của đức thầy Bách-đaLộc và Hoàng-tử Cảnh (do nhà danh-họa Mauperin vẽ tại Paris, năm 1787) và hình Nguyễn văn-Thắng cùng các bằng-sắc của đời vua Gia long mà đức Khải-định đã ngự-lãm ngày 10 juillet 1922.

NGUYỄN-TRIỆU

(HẾT)

1/ Vợ De Forçant (Lê văn-Lăng, quản tàu Bằng-phi, Lăng đức hầu) là Hồ-thị-Huề.

2/ Thời bấy giờ, quen gọi là cậu Đức chứ không mấy khi gọi Michel Đức Chaigneau.

3/ Xem Tri-Tân số 13, trang 301, tiểu chú 4.

4/ Lăng De Forçant nay cũng còn ở Phú-Tú gần Huế mà trước kia ta vẫn cứ lầm tưởng là mộ M. Vannier (Xem B. A. V. H. 1918 pp 59-77, Tombeau de Forçant)

Chuyện thơ

Khói trà hương đượm chén trùng-phùng

của HÀ TIÊN-CÔ

Hoa thắm nở tươi nhà Giễm Giễm 艷艷
Khói trà hương đượm chén trùng-phùng.
Má cô áo đỏ hây hây đỏ
Cùng với hai cô má mới hồng.
Đ. H.

●

BỮA rượu tẩy trần đã tàm-tạm xong rồi...

Bấy giờ cái Giễm-Giễm thương-điểm đã biến thành cái Giễm-Giễm trà-thất 艷艷茶室.

Dưới ánh những chùm điện đỏ rực, trong đám bông hoa thắm đỏ, thấp thoáng những cô áo đỏ hồng hồng.

Những cô gái ngây thơ đó, từ trưa đã nhí-nhảnh soạn-soạn sửa-sửa trang-hoàng cho cảnh trà-thất có ý nhị.

Các cô đã khéo tay gây cho cảnh trà-thất xinh-xinh và tươi-thắm như các cô.

Chén trà đã quyện hương rồi. Đó là những cánh trà đen, to và thô, pha từ nước thứ hai có mùi hoa mộc, từ nước thứ ba có mùi hoa thủy-lan. Đó là loại trà Thiết-quan-âm, Thiết-la-hán của Phúc-kiến mà tác-giả « *Những cái ấm đất* » công-khó từ Hanoi gửi vào.

Cái thứ trà đó, uống nó, người ta phải có những cái chén tống, chén quân, những cái ấm chuyên ấm đồng; nhưng nay vì đông người quá, người ta phải làm cái lối ngưu ẩm, pha cả bình.

Biết vậy, cô chủ-nhân cái Giễm-Giễm trà-thất đã cẩn-thận chọn bỏ ra, từ chiều, những cánh trà già màu hơi vàng, và đã tự tay nấu nước cho vừa độ, và tự tay pha lấy giữ cho hương trà không hao xém đi.

Vì khách là khách Hoan-Châu du-tử học lối Tô Đông-Pha trùng-du Xích-bích, khách trở lại đây thăm lại cảnh Đông-hồ

Đãi người khách đó mà không có những cầu-kỳ của cổ-thời, những hào-hoa của nho-giả thì sao cho ăn nhịp với nhau.

Những hớp trà nóng đầy hương thơm và vị ngọt, trong cảnh vui-vui ấm-ấm đó đã khiến cho người ta nhớ tới thơ, và muốn làm thơ.

Chơi thơ trong thú uống trà tàu, người ta lại muốn chơi những vần thơ khó. Vì thế mà những tử-vận đã được các thi-sĩ bới ra một cách ngớ ngẩn buồn cười.

Người ta đã tự hào :

Gánh nặng lưng kia chửa chịu khòm

người ta phải buồn rầu mà thương mình :

Luống để thân ve chịu ốm nhom

Người ta đã tự thán :

Tuổi chất bao nhiêu đã thấy khò n

Rồi người ta đến phải chua chát:

Qua cửa nhà Ban phải cúi khòm
Thơ văn sao đã dam ngâm om

— Thôi ! hãy bỏ các tử-vận ấy đi Nó đã giết mất nhiều thi-vị rồi ! Mộng-Tuyết lên tiếng phản-đối và bắt đầu mừng Mễn-Trai tiên-sinh :

Gió thu đưa khách lại chơi đây,
Cảnh cũ, người xưa, có một ngày
Hoa cúc thành Phương chưa nhoẻn nụ,
Hương trà mới đượm, rượu chưa say.

Đáp lời, Mễn-Trai họa :

Nước hồ mây núi quyến ai đây,
Đằng đẵng ba thu dọn một ngày !
Đất Trúc thành Sài trong nháy mắt
Thơ còn ngâm ngợi, rượu còn say.

Rồi, Nguyên-Phủ phụ họa :

Chén đưa năm trước cũng nơi đây,
Gặp gỡ mừng vui, nhớ những ngày
Hoa nở tươi cười chào bạn cũ
Cùng nhau ta chuốc chén cùng say.

Đông-Hồ lại họa sau cùng :

Bèo nước duyên đưa khắp đó đây ;
Tình chi năm tháng, tình chi ngày.
Xin dừng chân lại thêm giây lát
Rồi mộng giang hồ hãy cứ say !

Bình trà, nước nhất đã vơi rồi, trong khói đã thoang-thoảng mùi hoa mộc.

Mễn-Trai tiên-sinh ngâm vang :

Lại chơi Xích bích học ông Tô,
Trăng núi còn in xuống nước hồ.
Trong sáng tình ta âu cũng thế,
Thu này, thu trước, bảy lần thu.

Đông-Hồ đọc lại bài nguyên-xướng của Mễn-Trai, trầm ngâm sẽ họa :

Này nước hồ Đông, này núi Tô :
Hồ in bóng núi, núi soi hồ.
Bảy năm khách vắng, thu đi vắng,
Có khách về đây, cảnh có thu

Ông anh vừa xong, cô em lại nối :

Mộng-Tuyết dù không em lão Tô,
Cũng là em gái lão Đông-Hồ.
Có trà mừng khách, thơ đưa khách,
Trà đượm hương xuân, thơ ý thu.

Trong phòng trà, hương mộc và hương thủy-lan đã nối nhau thay đổi mấy lần rồi ; mà ngoài trời mảnh trăng hạ-huyền cũng đã lơ lửng treo nghiêng.

xem tiếp trang 14

«LỐI *thất-ngôn*, giản hoặc có thấy ở bài *Cầm ca* của Tư-mã Tương-Như song chưa thành thể thức nhất định...Vậy, đời Hán mới chỉ có lối *ngũ-ngôn* thịnh hành thôi; chứ lối thơ *thất-ngôn* phi đến đời Đường thì không đáng kể». (Trung-quốc văn-học-sử đại cương, trang 142, 143).

III) **Phú** — Muốn khảo cứu cội gốc lối phú? Cứ coi lời tựa của Ban-Cố ở bài *Lưỡng-đô phú* thì rõ, vì Ban đã nói ở đó rằng phú là dòng nhánh của lối cổ-thi.

Phải, Hầu Tâm-Trai cũng nói: « Phú vốn là một lối trong ba trăm bài ở kinh Thi. Phú có chia làm hai thể: *Cổ phú* và *luật phú*... »

Lối phú ngày xưa thì sơ sài và ngắn lắm. Các bạn thử mở Tả-truyện ra mà coi, thì thấy bài *Đại-tụng* của Trịnh-trang-công và bài *Hồ-cửu* của Sĩ-Vĩ chỉ vỏn vẹn có mấy câu thôi.

Về sau, bọn Khuất-Nguyên, Tống-Ngọc, Cảnh-Sai dấy lên, mở ra một lối phú rộng rãi, đẹp đẽ.

Những bài *Trường-môn phú*, *Đăng-lâu phú* đều là cách điệu sót lại của Khuất-Nguyên. Người ta kêu nó là lối *tao-phú*.

Đến Hán (206 tr J. C. — 220 s. J. C) Giả-Nghị có bài phú viếng Khuất-Nguyên, khi Giả phải giáng làm chức thái-phó giúp Trường-sa-vương.

Về sau, Đường (618-906) có bài A phòng-cung của Đỗ-Mục, Tống (960-1127) có hai bài Tiền và Hậu Xích-bích của Tô-đông. Pha đều là những bài danh bút cả. Song những bài như viếng Khuất-Nguyên và mấy bài vừa nói đây đều thuộc về lối cổ phú, không bó buộc theo luật,

Lối luật-phú bắt đầu có từ đời Nam Bắc-triều, do bọn Dũ-Tín và Từ-Lăng khởi-xướng ra. Nhưng cách-luật thì đến đời Đường mới thật đầy đủ chặt chẽ. Từ Đường trở đi nước Tàu dùng lối luật-phú để thi cử.

Lối văn-phú đời Tống, đời Nguyên lại là biến thể của lối luật-phú.

Còn như lối phú phổ thông ở xứ ta mà các cụ ngày xưa thường làm chơi hoặc viết ở trong trường thi thì phần nhiều là lối phú luật. Lối phú nôm của ta cũng theo lối phú luật của Tàu.

Tại sao gọi là *luật phú*?

Là vì bài phú bị viết dưới ngòi bút phải bó buộc theo mực thước phép tắc, như là bị nhốt trong vòng luật lệnh không được ngang trái, vượt qua.

IV) **Nhạc-phủ** —. Lối « nhạc phủ » bắt đầu có từ đời Hán.

Nguyên đời Hán Vũ-Đế (25-57) đặt ra chức quan Nhạc-phủ riêng chuyên về việc hoặc làm thơ để hiệp với âm-nhạc, hoặc nhặt lượm thơ để ghép vào âm-nhạc. Những bài do nhạc phủ chế ra đó kêu là nhạc chương, nghĩa là các bài đàn, bài hát có âm-điệu, có tiết-tấu, khi déo-dắt, lúc du-dương... Đó là ý nghĩa ban đầu của lối nhạc phủ.

Về sau, vì có nhiều mối quan hệ dính líu, nhạc phủ đẻ dần ra thêm những món sau này:

1) Theo tiếng của khúc nhạc xưa đã có mà chế thành thơ;

2) Tự đặt ra khúc nhạc mới;

3) Bắt chước đặt giống lối cổ;

4) Lấy chuyện cổ làm đầu-đề mà vịnh thành bài;

5) Lối nhạc phủ mới của Đỗ-Lăng;

6) Lối nhạc phủ vịnh người và việc trong lịch-sử.

Thử viết

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

Số 8

HOA-BẰNG

Khi những món sản-vật phụ ấy đã dần dần ra đời, thì nhạc phủ mất hẳn cái nghĩa chính: dùng làm nhạc-chương.

Còn mạng-đề của nhạc-phủ thì nhiều, đại đề như:

a) Ca; b) Hành; c) Ca-hành; d) Dẫn; e) Khúc; f) Ngâm; g) Từ; h) Thiên; i) Xướng; j) Điệu; k) Oán; l) Thán.

V) **Từ**.— Khuất-Nguyên là một tay thi-hào nước Sở, chẳng những sở-trường riêng một lối ca, mà lại là ông tổ đẻ ra từ, phú nữa. Trong tập Sở-từ của Khuất có nhiều bài rất dài: kể riêng một bài Ly-tao cũng đã được tới 2.492 chữ.

Bài *Thu-phong* của Hán Vũ-đế và bài *Quy khứ lai* của Tấn Đào-Tiềm đều thuộc lối *từ* cả.

Bài *Mộc-lan từ* vừa là thể văn ký-sự, vừa là thể văn trữ-tình, dài tới 62 câu, dùng xen cả vần bằng lẫn vần trắc.

Trong lối *từ*, ta nhận thấy, ở giữa hoặc ở cuối câu thường có chữ « hề » mà ta vẫn dịch là « chừ » đó.

VI) **Hành**. — Hành cũng là một chi nhánh trong lối nhạc phủ.

Các bạn có đọc bài Tì-bà hành của thi-sĩ Bạch cư-Dị *Thanh* (1736 - 1795) thì lối đó thịnh hành lắm.

Lối *Tây điệu* này, không phải không? Bài đó cũng dài, dài những 612 chữ.

Bài *Tì-bà hành* này được Phương Đình Nguyễn Siêu tiên-sinh dịch ra tiếng việt rất trôi chảy và đúng tinh-thần nguyên văn, song dịch-giả làm theo lối song thất lục bát, chứ không theo lối thất ngôn cổ phong như của tác giả họ Bạch.

VII) **Điệu**. — Trong điệu, có những lối như *Hàng-lịch-điệu* và *Tây-điệu v. v.* Hoàng-lịch-điệu bắt đầu từ bao giờ và nẩy ra từ đâu, nay không thể biết được. Vào đời *Càn long nhà* là từ, cũng không phải là khúc, nẩy lên từ đời nhà Minh (1368-1644), đến đời Càn-long nhà Thanh thì truyền rộng lắm.

VIII) **Khúc**. — Như trên đã nói, trong nhạc-phủ có cả lối *khúc*.

Đời Hán có mười tám bài khúc cổ.

Ở vùng Ngô (Giang-tô) Việt (Triết-giang) có bài khúc *Họa-sơn-kỳ* dài tới 59 câu. Nhưng cách đặt không thay đổi: cứ cách hoặc hai, hoặc bốn, hoặc năm, hoặc tám câu năm chữ thì lại xen vào một câu ba chữ; cứ thế kéo cho đến hết bài.

Còn bài *Triết-dương-hễu* ở Kinh-sở thì cũng giống lối với bài *Họa-sơn-kỳ*, nhưng nó cũng khá dài, dài những 169 câu.

Nhà Nguyễn (1279-1367) có lối *Bắc-khúc*. Trong cuốn Tây xương ký, tác giả Vương thực-Phủ, theo lối Bắc khúc, viết được nhiều bài tả về cái tình bi, hoan, ly, hợp của trai gái. Dưới ngòi bút ba-lan của Vương nẩy ra nhiều vẻ biến hóa, khiến người đọc đến tất phải phục tài. Thật là một món giai-phẩm về áng văn tả tình viết bằng lối khúc.

Nam-khúc là một lối nẩy ra từ miền Ôn-châu đời Nam-tống (1127-1279), đến Nguyên thì bồng-bột tốt tươi lắm. Các bạn đã đọc bản Tỳ-bà-ký của Cao-tắc-Thành chưa? Ấy, tác-giả viết theo lối *Nam-khúc* này đấy. Trong *Nam-khúc* lại có chia ra nhiều xoang khác nhau, như:

Tấm viên xuân,
Giá cô thiên,
Cầm đường nguyệt,
Nhạn nhi vũ,
Tây giang nguyệt,
Nhất tiễn mai,
Trầm túy đông phong,
Lạp mai hoa,
Hương la đới, vân vân.

Lối khúc còn có nhiều thứ chẳng bạn như khúc *Bình-sá* của đời Thanh (1644-1911) lại là một trong lối *sá khúc*. Ngoài ra, lại còn có lối *tạp-khúc* nữa.

Những lối văn vần trung-hoa trên đây đều có ảnh-hưởng lớn đến văn-chương nam-việt. Có thể nói, trước khi âu-hoa, ngoài lối « văn vần tổ-truyền », hầu hết vận văn ta đã mô-phỏng vận văn tàu mà làm thành lối « văn vần lai tàu » như ta đã thấy. (1)

còn nữa

(1) Sách báo tham khảo: « *Quốc cố học đại chương* » của Tào-tự-Nhân, « *Trung-Quốc văn học sử đại cương* » của Cố Thực (in tại Thương vụ ấn thư quán, 1929) *Bắc sử*, *Tì bà ký*, *Tây xương-ký*, *Sở từ*, *Thi kinh*, *Phân loại phú học chỉ nam* (Sa sơn Dư bình Chiếu biên tập, mộc-bản khắc năm Tự-Đức 29 (1876) Đan-yên Tập-văn-Đường tàng bản), *Đường thi hợp tuyển tường giải* (Sơn âm Lưu-báo-quân chú giải, bản gỗ khắc năm Đồng-Trị thứ ba (1864), Thiền-sơn Kim-ngọc lâu tàng bản). « *Văn vần Trung-hoa* » (của tác giả đăng ở *Tân-văn tuần báo*, Saigon, những số 58, 60 và 61, năm 1935).

Xem kỳ sau:

Dương-liễu-Từ
của

Mộng Tuyết

SỬ LIỆU SỐNG

Hai trẻ chăn trâu không cho vua Tự - Đức bắn chim

NIÊN-hiệu Tự-Đức thứ 12 (1859), ở tỉnh Quảng-trị có một cái trại tre, rộng chừng một mẫu, có rất nhiều giống chim về đậu để làm tổ.

Vì thấy vua Dực-Tôn ưa-thích săn-bắn, các quan tỉnh sai niêm yết cấm không cho ai đến đấy, dành riêng trại ấy để nhà vua hằng năm ngự ra săn-bắn.

Một ngày, đức Dực-Tôn ngự đến trại ấy bắn chim, các quan tùy giả đều phải đứng xa cách chỗ vua đứng một dặm. Nhà vua sắp sửa nạp súng bắn thì thình lình có hai thằng bé chăn trâu trạc 11, 12 tuổi, đứa thì níu lấy súng, đứa thì giằng ấy áo và bảo: « Cậu không được bắn ở đây, cậu phải đi ra ngay. Nếu cậu bắn ở đây thì cả làng tôi phải tội ».

Vua đang thích bắn, bị chúng nó ngăn-trở mới gắt mà bảo rằng: « Chúng mày không cho tao bắn thì để cho ai bắn » ? Hai đứa đều giả nhời rằng: « Ở đây, chỉ có vua bắn được thôi. Cậu phải ra ngay » !

Vua Tự-Đức vội quay ra gọi các quan và sai đem cả hai đứa trẻ chăn trâu ấy về kinh-đô, phong cho làm ngũ đẳng tuỉ-vệ. Ngài cho gọi cha mẹ vào kinh, ban khen là để con có nghĩa, lại sai lấy của kho ban cho cha mẹ chúng.

Tiên-Đàm

Hộp thư

Các ông Vũ ngọc-Khanh, Tú-Hiền (Nghệ-an). Mộng-Thạch (Huế) — Đã nhận được bài. Xin cám ơn.

Mới xuất bản

MANUEL
de
CONVERSATION
en français et Annamite
của
MỄ DƯƠNG
Cựu giáo viên

Sách dạy nói chuyện tiếng Pháp cốt dùng cho người Nam học nói chuyện tiếng Pháp hay những người ngoại quốc biết tiếng Pháp học nói truyện tiếng Nam

Đủ các câu cần biết của hầu khắp các nhân vật trong các giới

Giá 0p.20, cước thường 0p 06 gửi bằng tem (có) cũng được cho hiệu
ĐÔNG-TÂY
195, phố hàng Bông Hanoi

AI MUỐN BIẾT RÕ

Tiếng Việt-Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách: VIỆT-NAM VĂN-PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc-kỳ, nên đọc quyển PHẬT-LỤC của ông Trần-trọng-Kim Giá 0p 80.

Bán ở nhà in « Du Nord » 133 phố Hàng-bông Hanoi và các nhà bán sách.

(1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p 50 — Bản quốc âm 2p 50

Khói trà hương đượm chén trùng-phùng

(tiếp theo trang 11)

Khách đã sắp lên xe. Chuyến đò ngang đã sắp đưa khách sang bên kia bến nước.

Lưu-luyến và ngậm-ngùi, còn ai nữa mà không phải là anh chàng thi-sĩ đa sầu có cái tên đẹp như cảnh, ở bến Hồ-Đông ?

Thi-sĩ như sợ cảnh bình-minh vội đến mà vạn lơn :

Bảy năm xa cách đất Phương-thành,
Lại gặp đêm nay chuốc chén tình
Trăng nước Đông-hồ ? Nhìn vẫn đẹp.
Đá cây Thạch-Động ? ngắm còn xinh.
Á-Âu mặc họ, đời thêm rối ;
Thơ rượu riêng ta, thú sẵn đành.
Bè bạn lâu nay bao ngóng đợi,
Xa nhau chi vội, buổi bình minh !

◆

Đó là *cảnh, thơ, tình* và *phong-vị* của đêm 21 tháng sáu nhuận năm Tân-tị (13-8-41).

Nó cũng như những cảnh giả-sơn có cái bể cạn nước xanh để cho năm ba con cá vàng bơi lội và để cho những rễ của gốc si già cằn-cỗi nhung xuống, bên cạnh những hòn đá mốc rêu.

Ai bỏ nó thì cứ bỏ, mà ai còn yêu tiếc thì cứ lững thững chống chiếc gậy trúc đốm hoa đến đây mà thưởng-thức những vẻ cổ-kỳ của nó.

HÀ TIÊN - CÔ

Những pháo-thuyền Bắc-Kỳ

NGUYỄN HUYỀN TĨNH

MỘT buổi chiều hè, trên sông Hồng-hà, mấy chiếc tàu binh sơn trắng rẽ nước tiến về mạn Cầu-đất. Rồi tàu cặp bến, dưới con mắt tò-mò của mọi người chăm-chú nhìn các thủy-thủ đang nhanh nhẹn chằng giây tam-cố và hạ cầu-tàu.

Đó là những chiếc pháo-thuyền thuộc hạm-đoàn Bắc-kỳ, ghé thăm Hà-nội sau một cuộc tuần giang. Lúc bình-thời, giữ việc tuần-phòng trên mặt sông, khi chiến-tranh, pháo thuyền ủng hộ cho binh-gia trong công-cuộc phòng-thủ đất nước.

Xứ Bắc-kỳ lắm sông, nhiều ngòi : Nào sông Hồng-hà, sông Thao, sông Đà, nào sông Thái-bình, sông Đáy, sông Đuống, sông Luộc. Các thị-trấn đông-đúc, buôn-bán sầm-uất phần nhiều ở ven sông, nên công-dụng của pháo-thuyền ở xứ ta không phải là nhỏ.

Trong một tờ trình về việc hành binh ở đất Bắc, Hải-quân Đại-tá *Henri Rivière* đã tả những bước gian-nan của quân lính Pháp khi tiến vào nội-địa. Số binh đã ít, lại phải qua những ngòi, lạch, lội dưới bùn lầy, vạch lau sậy um-tùm để tìm lối đi, dưới ánh mặt trời như thiêu, như đốt.

Theo lời Đại-tá, sự thành công một phần lớn là nhờ các pháo-thuyền đã chuyên chở binh-lính, quân-nhu, lương-thực, đã bắn che cho bộ đội những lúc giáp công...

Thế cho nên những trang lịch-sử đầu-tiên về công-cuộc khai-thác xứ Bắc-kỳ, đều ghi tên những chiếc tàu con đã từng xông-pha trăm trận : nào chiếc *Espingole*, chiếc *Scorpion* đã bắn vào cửa ô *Hà-nội*, nào những chiếc *Fanfare* và *Surprise* mà trại phá còn in dấu trận cửa Bắc thành Thăng-long. Chiếc *Mitrailleuse*, chiếc *Revolver* đã vượt đám trùng-vi, đem lương-thực quân-nhu cho quân-đoàn *Tuyên quang* đang bị giặc *Cờ Đen* vây chặt.. Lại còn chiếc *Hoche*, chiếc *Yatagan*, chiếc *Fanée*, chiếc *Massue*, chiếc *Leopard* và bao nhiêu chiếc nữa mà ngày nay chỉ còn là vang và bóng của một thời ngang dọc vẫy-vùng..

Pháo thuyền Bắc-kỳ, mấy chữ đó gợi trong trí-nhớ của ta những cuộc đánh-dẹp, những buổi loạn-ly, cuộc gặp-gỡ của thủy-đoàn Thái-tây với những quân tàu-ô và bộ-đội hung-tàn của tướng *Lưu-vĩnh-Phúc*.

Nói đến pháo-thuyền Bắc-kỳ, ta nên nhắc qua những việc xảy ra trên các giòng sông lớn từ ngày Đỗ-phổ-Nghĩa (Jean Dupuis) mang thuyền-bè vào sông Hồng-hà buôn bán cho đến ngày nay.

Đỗ-phổ-Nghĩa là người đầu tiên nghĩ đến sự lợi-dụng sông Cái làm đường thông-thương nội tỉnh *Vân-nam* ra vịnh *Bắc-kỳ*. Nhận với các quan nhà Thanh để chuyên-chở các khí-giới và trong công việc thương-mại, Đỗ-phổ-Nghĩa xin với súy-phủ *Nam-kỳ* giúp cho được dễ-dàng. Năm Nhâm-thân (1872), những chuyến hàng của Đỗ-phổ-Nghĩa đều được yên-ổn vô-sự và tàu con *Lao-kay*, *Hồng-giang*, *Sơn-tây*, đầy chiến-cụ, khi qua đồn-ải quân ta và quân tàu, không hề bị sách-nhiễu lôi-thôi.

Nhưng chẳng bao lâu, giữa Đỗ-phổ-Nghĩa và các quan Nam-triều, có chuyện sích-mích vì một việc buôn muối. Triều-đình *Huế* nhờ súy-phủ Nam kỳ can thiệp. Quan thống-đốc Nam kỳ, Hải quân thiếu tướng *Dupré* phái đại uý Thủy quân *Francis Garnier* ra Bắc kỳ. Đại uý Garnier mang mấy chiếc tàu nhỏ và 170 binh-lính ra Bắc, đến tháng 10 năm Quí dậu (1873) thì ra tới *Hà-nội*. Việc Đỗ-phổ-Nghĩa chưa dàn xếp được ổn thỏa, lại thấy quan ta ra ý đề phòng. Đại uý Garnier quyết chí đánh thành và đúng ngày rằm tháng mười, mấy chiếc pháo thuyền của đại uý đậu tại Đồn-thủy đã bắn sung vào các cửa ô, yểm hộ cho các bộ đội lục quân eo «thang mây» vào giáp chiến. Gần một giờ, thành vỡ, phò mã Nguyễn Lâm tử trận quan Tổng đốc Nguyễn tri Phương bị trọng thương!

Hà nội thất thủ, lần lượt mấy tỉnh trung châu cũng về tay người Pháp.

Chẳng được bao lâu, Đại uý Garnier được tin quân Cờ đen về giúp quan ta, đánh mạn phủ Hoài đức. Đại uý mang quân đi cản, đến ô Cầu giấy, gặp phục binh, nên bị hại.

Sau khi Đại-úy Garnier tử trận, hòa ước năm Giáp-tuất (1874) giữa hai chính-phủ Pháp-Nam đã đem lại một cuộc hòa-bình tạm thời. Giặc giã nổi lên tứ tung! Ở Bắc-kỳ tiếng rằng có người Pháp ra vào buôn bán, nhưng đường giao-thông không được tiện lợi, miền thượng-du hầu như ở dưới toàn-quyền thống-trị của bộ đội *Cờ đen*, một đội quân gần nửa là đầu trộm đuôi cướp, tiếng là theo lệnh quan ta, nhưng kỳ thực hùng cứ một phương.

Bởi thế nên một lần thứ hai, nước Pháp lại phải dùng đến binh lực.

Vào khoảng cuối năm Tân-tị (1881) nhân việc hai người Pháp là *Vilerot* và *Courtin* tuy có giấy thông-hành mà vẫn bị quân Khách ngăn trở, quan Thống-đốc *Nam-kỳ*, *Le Myre de Vilers* phái quan Hải-quan Đại-tá *Henri Rivière* mang binh-thuyền ra Bắc-kỳ.

Tháng 3 năm Nhâm-ngọ (1882), Đại-tá tới Hà-nội và đóng quân tại Đồn-thủy.

Thấy quan Tổng-đốc *Hoàng Diệu* một mặt đón tiếp, mộ mặt sửa soạn binh bị Đại-tá *Rivière* không bằng lòng Sáng ngày mồng 8, sau khi hạ tối-hậu-thư, Đại-tá đánh và lấy được Hà-nội.

Lấy xong Hà-nội, Đại-tá *Rivière* đem quân hạ thành Nam-định.

Nhưng chẳng bao lâu, được tin quân *Cờ đen* sắp đánh Hà-nội Đại-tá mang binh về giữ. Đến ô Cầu-giấy, bị quân giặc mai phục đón đánh, Đại-tá và nhiều quân tùy tòng đều bị hại.

Đại-tá *Rivière* chết, chính - phủ Pháp quả quyết đặt cuộc bảo-hộ ở xứ này. Sau hai tờ hiệp-ước Quí-mùi (1883) và Giáp-thân (1884), các pháo-thuyền và binh lính Pháp chỉ còn phải đánh dẹp những quân Tàu của tướng Phùng-tử-Tài và những toán quân ô-hợp của tướng Lưu-Vĩnh-Phúc, một tên xuất thân trong đám lục-lâm mà đã từng được Nam-triều ban cho chức *Đề-đốc Tam-Tuyên*...

Trong những trận đánh Bắc-ninh, Hưng-hóa, Tuyên-quang, các quân-đoàn của Đại-tá *Duchesne*, Thiếu-tướng *Br ère de L sle*, Thống-tướng *Millot* đều có các pháo thuyền trợ-chiến có hiệu quả. Thế-lực quân Cờ-đen và quân chính-b ên (régulier) Tàu yếu dần, tựa như bó đuốc gần tàn rồi c ẳng bao lâu tắt hẳn..

Năm mươi năm qua, đã đem lại bao cuộc tang thương biến cải.

Việc đánh dẹp đã nhường chỗ cho công cuộc kiến-thiết hòa-bình.

Ngày nay, trên mặt sông phẳng lặng, những buổi chiều tà, không còn nghe thấy tiếng trống trận vang ầm lẫn với tiếng loa kèn nổi dậy.

Kẻ canh-nông, người chài lưới, dân sự yên ổn làm ăn, không còn lo nạn cướp của giết người như hồi hầu hết đất Bắc-kỳ bị quân *Cờ đen* giầy xéo...

Những buổi bình-minh sáng-lạn, trên bãi cát vàng, hoặc những đêm bão táp ngoài khơi, gió thét, mưa gào, các thủy-binh Pháp-Nam trên mấy chiếc pháo-thuyền Bắc-kỳ lại hồi tưởng đến những bậc đàn anh thủa trước. Trong đám mây mờ ẩn hiện, tưởng chừng như thấy muôn vạn hùng binh dưới cờ Đô-đốc *Courbet*, đang dượt theo những chiếc « mành » lớn của quân tàu-ô bạo ngược hung-tàn giữa khoảng giời đất hoang-vu, tịch mịch...

NGUYỄN-HUYỀN-TĨNH

Tin văn hằng tuần

Đông - dương

Nguyễn-tiến-Đạt, có Pháp-tịch, bị Quân-pháp Hội-nghị kết án xử tử, đã phải bắn tại trường bay Bạch-mai hồi 5 giờ rưỡi sáng 30 8-41.

Tại Nam - vang, đã làm lễ hỏa-táng cố quốc - vương Sisovath Monivong.

Ông Hayashi, Tổng-lãnh-sự Nhật-bản tại Hà-nội, đã đáp phi-cơ Nhật về nước từ 3-9 để đệ lên Chính-phủ một tờ trình.

Ông Teijiro Tsubokami, Đại-sứ Nhật tại Thái-lan, đáp phi-cơ sang Vọng-các, qua Hà-nội ngày 2-9-41.

Quan Toàn-quyền Decoux mới được thăng lên hạng trên trong nghạch Bắc-đẩu bội-tinh.

Ông Nguyễn - Quyền, người tỉnh Bắc-ninh, mới tạ thế tại Nam-kỳ ngày 25 Aout 1941.

MỚI CÓ BÁN Sách của QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

NGƯỜI LỊCH-THIỆP

Một cuốn sách mà ai cũng phải có trên đầu giường, trên bàn giấy, trong tủ sách, ròng va-ly lữ-hành.

Bìa hai màu, trình bày mỹ-thuật Giá 0p.65

ĐƯƠNG IN

TẦM NGUYÊN TỪ-ĐIỂN

Một bộ từ-điển chưa từng có trong văn-khố Việt-nam, đọc ham, vui, thú vị khác hẳn các bộ từ-điển khác, phàm văn-nhân học-giả ai cũng phải đọc để hiểu rõ quốc-văn và văn-chương Việt-Hán.

Dày ngót 400 trang có chua chữ Hán

Giá 2p 80

Có in một số sách bằng giấy bouffant hảo hạng, bìa vải chữ vàng dành riêng cho các bạn đặt mua trước, 5p 00 một bộ. Bạn nào muốn có bộ sách quí giá ấy xin cho biết và trả tiền (5p.00) trước ngày 15 Septembre 1941 mới có sách.

Thư mua sách gửi cho M. Lê-Văn-HÒE
Giám đốc Quốc-học Thư-Xã
16 bis rue Tien Tsin — Hanoi

Kiểm duyệt bỏ

Bản-chí đồng-nhân xin có lời kính viếng Nguyễn tiên-sinh và chia buồn cùng tang quyến. Có dịp, Tri-Tân, đứng về phương-diện khảo-cứu, sẽ nói về đời văn-học của tiên-sinh.

Quốc - tế

Một đoàn 166 phi-cơ Nhật-bản tàn phá Trùng-khánh.

Chiến tuyến Staline bị thủng tại Carélie

Một phi-cơ rơi xuống ao miền Bolmọn thuộc Marseille : 13 người chết, trong số ấy có 3 người hoa-tiêu.

Tại Croatie, có phong-trào khủng-bố. Nhiều yếu-nhân bị ám sát.

Không có một hòa-ước riêng giữa Nga và Phần như tin đồn.

Phi-cơ Đức ném bom xuống kênh-đào Suez.

Anh-Nga và Ba-tư hình như đã ký hòa-ước đình-chiến.

Viên sĩ-quan chỉ-huy không-quân Ba-tư vì không theo lệnh đình-chiến, bị giết bằng mấy phát súng lục.

8 000 phu mỏ đình công tại Birmingham,

A-phù-hãn bị Anh áp-bức các điều như Ba-tư.

Tại Pháp, đương cải tổ lại nền học-chính.

3 000 dân Nga bị bắn tại Kiev, vì không chịu dự vào các công việc phòng thủ.

ÔNG - ÍCH - KHIÊM

NHẬT-NHAM

Tiếp theo và hết

THÁNG 7 năm ấy, quan quân thua ở Lạng-sơn. Quan Tham-tán Nguyễn-Mại, quan Đề-đốc Nguyễn-viết-Thành (1) tử-trận, quan Thống-đốc Phạm-chi-Hương bị bắt.

Ông-ích-Khiêm (2) lui về giữ mạn Bắc-giang, xây nhiều pháo-đài ở vùng Yên-thế. Quân Ngô-Côn về tới Na-lương (Yên-thế), gặp quân Ông-ích-Khiêm, hai bên đánh nhau một trận kịch-liệt. Sau hai ngày tử-chiến, Ông-ích-Khiêm đuổi được quân giặc chạy về Lạng-sơn.

Triều-đình cử Vũ-trọng-Bình làm Hà-Ninh tổng-đốc kiêm chức Tuyên - Thái - Lạng quân - thứ khâm-sai đại-thần, để hội với Đề-đốc Quảng-tây là Phùng-tử-Tài tìm cách bình giặc Ngô-Côn

Tháng 5 năm Kỷ-tị (1869), quân tàu và quân ta hợp-lực thu-phục được tỉnh Cao-bằng. Ngô-Côn lui về giữ Lạng-sơn.

Năm sau (1870), Ngô-Côn kéo quân hỏa-tốc về vây Bắc-ninh. Binh mã như nước chảy : hôm trước ở Lạng-sơn, hôm sau đã tới Bắc-ninh, định lấy xong Bắc-ninh, thẳng đường tiến đánh Hà-nội.

Quan Tiểu-phủ Ông-ích-Khiêm đóng quân ở Thái-nguyên để phòng-ngữ, được tin cáo-cấp, bèn đem binh về đánh úp quân giặc, để giải vây cho thành Bắc-ninh.

Đánh có một trận, Ông-ích-Khiêm đã bắn chết được Ngô-Côn, giết gần hết quân giặc ; còn thì bị bắt hoặc chạy trốn. Giặc Ngô-Côn bình.

Trong trận này, công đầu về Ông-ích-Khiêm. Nhưng vì lòng tham vô hạn, quan Tổng-đốc Hà-Ninh Vũ-trọng-Bình muốn chiếm cái chiến-công oanh-liệt ấy làm của mình, nên đã vu cho Ông-ích-Khiêm cái tội để giặc kéo xuống vây thành Bắc-ninh mà không ngăn-cản. Bình xích tay Ích-Khiêm và giam-cầm một chỗ, biểu-tấu về triều xin trị-tội Ích-Khiêm và nhận công bình giặc về mình.

Vua Tự-Đức là một vị minh-quân đã am-hiểu tình-thế, nên truyền cả hai bên về kinh để thẩm xét.

Vũ-trọng-Bình sai tháo xích cho Ích-Khiêm, song Ích-Khiêm nhất định để cả xích về kinh triều-kiến.

Vua Tự-Đức ngự xét, biết rõ công giết Ngô-Côn là của Ích-Khiêm, bèn thân-hành tháo xích cho Ích-Khiêm, tìm nhời ủy-lạo, ban thưởng nhiều thứ và cho thăng trật. Còn Vũ-trọng-Bình bị quở và giáng chức.

Ngô-Côn tuy chết, song còn nhiều đồ-đảng : Hoàng-sùng-Anh hiệu Cờ vàng ; Lưu-vĩnh-Phúc hiệu Cờ đen ; Bàn-văn-Nhị và Lương-văn-Lợi hiệu Cờ trắng. Chúng vẫn cứ quấy-nhiễu ở mạn Tuyên-quang, Thái-nguyên ; dân-gian rất là cực-khổ ! Quan quân hết sức tiễu phỉ, thực là vất-vả.

Sau vì hai đảng Cờ đen và Cờ vàng thù khích nhau, đảng Cờ đen về hàng triều-đình ta. Vua Tự-Đức cho Lưu-vĩnh-Phúc đóng quân ở Lao-kay, thu thuế và hưởng quyền-lợi ở vùng đó, để chống nhau với quân Cờ vàng đang đóng ở Hà-giang.

Giặc Cờ vàng không chịu về hàng, lại càng nhũng-nhiễu dân-gian. Quan quân đánh dẹp mãi không được. Sau Ông-ích-Khiêm phải dùng đến mưu mới phá được giặc.

Trong một trận hỏa-công, cả toán quân Hoàng-sùng-Anh bị thui sống trong một cái hang đá thuộc phủ Đoan-hùng (Hưng-hóa), chỉ vì tham ăn các thực-phẩm do Ích-Khiêm sai tặng. Phải, khi đang tụ họp ăn uống trong hang, toán quân ấy đương mơ-màng vì hơi men, bỗng bị Ích-Khiêm phóng lửa đốt hang, thiêu chết gần hết. (Xem Tri Tân số 10, trang 8 bạn Tiên-Đàm thuật rõ trận hỏa-công này).

Năm Ất-hợi (1875), Hoàng-sùng-Anh đem quân về đóng ở làng Châu-thượng (phủ Vĩnh-tường) Quan Tán-tương quân-vụ tỉnh Sơn-tây là Tôn-thất-Thuyết cùng Ông-ích-Khiêm đánh một trận, bắt được Hoàng-sùng-Anh và giết được nhiều quân Cờ vàng Từ đó, giặc Cờ vàng tan dần.

Thời ấy, đảng giặc Trận nổi lên, tàn-phá các nơi. Tướng Trận quan xã Ngọc-lý, phủ Yên-thế (Bắc-giang), tính-khí rất hung-ác, cương-cường, lấy tỉnh Bắc-giang làm sào-huyệt, bắt các làng phải cung-cấp lương-thực, Trận còn cướp của, giết người, hãm-hiếp đàn-bà con gái ! Dân-gian sống trong cảnh lầm-than cơ-cực ! Trước cảnh điêu-linh ấy, các xã phải đứng lên tự vệ, chống nhau với giặc. Có xã vì không thần phục giặc Trận, bị giặc giết hại gần hết.

Làng Mỏ Thổ thuộc phủ Yên-thế hiện nay vẫn hằng năm có hội « lá tre », để kỷ-niệm ngày dân bị giặc Trận giết chết nhiều như lá tre.

Thống chế PÉTAIN đã nói :

« Dân quê Pháp chịu « vất-vả đã khá lâu. Ngày « nay họ phải được « trọng-đãi ».

Làng Đa-mai thuộc phủ Lạng-giang (Bắc-giang) cứ mồng 6 tháng giêng ta có giỗ suốt làng, vì chính ngày ấy, giặc Trận đã đánh đắm nhiều thuyền quân cảm-tử của làng cử ra chống giặc.

Làng Sơn-quang thuộc huyện Việt-yên đánh nhau với giặc, bị chết rất nhiều, phải cùng chôn một hố và hằng năm cùng giỗ một ngày,

Xem như thế đủ biết giặc Trận lợi-hại đến thế nào ,. Quan quân đánh giẹp mãi không yên.

Tôn-thất-Thuyết cùng Ông Ích-Khiêm đem quân đi tiễu Qua đình Phù-yên bến Gầm (Bắc-ninh), đong quân, vào yết đình, cầu thần Tam-giang âm phù mặc tướng để bình giặc.

Giặc, khi ấy, đóng ở làng Lữ-hạ (Bắc-giang)

Ông Ích-Khiêm đem quân lập trận-đồ, vây mấy vòng thực kín và ra nghiêm-lệnh nếu ai để một tên giặc thoát, sẽ bị trọng-phạt. Quân giặc thấy tình-thế nguy-cấp, bèn lập kế giải vây. Giặc có bao nhiêu trâu đều dùng hết : quấn giẻ vào đuôi, buộc giáo vào sừng, lấy lửa đốt giẻ, trâu thấy nóng, chạy lồng qua vòng vây, làm rối loạn quan quân. Giặc thừa thế thoát thân, nhưng bị chém giết rất nhiều.

Giặc trốn đến đâu, quân Triều theo đến đấy. Tới các làng có giặc ẩn, Ông Ích-Khiêm ra lệnh ; mỗi tên quân dùng một cái thuổng đào lũy, ru lũy vào bên trong, để quân cảm-tử vượt qua vào làng bắt giặc.

Nhờ thế mà giặc dần dần tan hết ; còn tướng Trận bị giết ở làng Cổ-loa (1876).

Đến năm Mậu-dần (1878), lại có giặc khách Lý-dương-Tai nổi lên ở miền Lạng-sơn.

Lý-dương-Tài trước làm quan hiệp-trấn ở Tầm-châu thuộc tỉnh Quảng tây, sau bị cách-chức, bèn khởi binh làm loạn và đem quân tràn sang chiếm tỉnh Lạng-sơn, tàn-phá các nơi. Dân-gian lại một phen điêu-đứng !

Quan ta đưa thư sang Tàu. Đề-đốc Quảng-Tây là Phùng-tử-Tài đem quân sang cùng với quân ta hội-tiễu.

Ông Ích-Khiêm vẫn giữ chức Tiễu-phủ sứ. Ích-Khiêm đánh Lý-dương-Tài từ Lạng-sơn đuổi đến Thái-nguyên, Lao-kay, hồ Ba-bể thì bắt được Lý-dương-Tài, giao cho Phùng-bá-Chỉ giải về Tàu nộp Triều-đình nhà Thanh : Vua Tàu có trọng-thưởng Ông Ích-Khiêm.

Thế là đến tháng 9 năm Kỷ-mão (1879), mới bình được giặc Lý-dương-Tài.

Ông Ích-Khiêm còn nhiều phen giẹp yên giặc cỏ ở biên-thùy Ai-lao và giặc Thổ ở miền thượng-du Bắc-kỳ.

Ông tướng-quân (vì tướng-quân họ Ông, nên đương thời thường kêu là ông Tiễn Ông) thực là một vị đại-tướng có tài thao-lược, am-hiểu binh-thư chiến-pháp, biết thương quân-sĩ, biết lợi-dụng thời-cơ Quân-lệnh rất nghiêm, sĩ-tốt lúc tiến, khi thoái đều có hàng ngũ, không dám nhũng-nhiễu dân-gian. Ông Ích-Khiêm lại có sáng-kiến làm phù-kiều để qua sông, nên quân tiến nhanh như chớp nhoáng, bên địch không kịp phòng-bị mà phải quy-hàng.

Cho nên, ngày nay, nói đến quan Tiễu, không ai là không tỏ lòng sùng-bái vị Thống chế đã suốt đời lận-tụy với chức-vụ để cứu dân-gian khỏi vòng nước sôi lửa nóng ấy.

NHẬT-NHAM

(1) Số 13 trước in lầm là «Nguyễn văn-Thành ».

(2) Sau khi bài này ra được nửa trên, chúng tôi liên được cụ Cử Nguyễn đình-Trọng cho hay rằng Ông Ích-Khiêm là người tỉnh Quảng-nam, chứ không phải Thanh-hoa, đậu cử-nhân từ năm 14 tuổi, rồi đi tri-huyện Kim thành, Hải-dương, sau được bổ làm Tiễu-phủ, đi dẹp giặc. Vậy chúng tôi xin cải-chính cho đúng và thành-thực cảm tạ cụ Cử Nguyễn.

Một kỳ sau :

Đặng-đức-Siêu
của Bùi-văn-Lăng

Dương-liễu từ, một áng thơ được Phan-Thanh-Giản trân-trọng (có kèm nguyên-văn chữ hán)
của cô Mộng-Tuyết

Một tờ báo pháp phê-bình cụ Phan-Thanh-Giản
của Khuông-Việt

Việt-Nam xưa đã thôn tính mấy nước (có bản đồ chỉ rõ vị-trí những nước đã bị thôn-tính)
của Biệt-Lam Trần-hữu-Bá

Sắp xuất bản

« THÂN-THẾ VÀ SỰ-NGHIỆP THỐNG-CHẾ PÉTAIN »

của BÙI-ĐÌNH-SAN

GIÁ : **0$14**

Số 6

PHÁC SƠ VỀ

MẸO TIẾNG TA

(Dạng - bản văn - pháp)

ĐÀO-DUY-ANH

Nghĩa bóng — tỷ dụ. — Lá sen áo, cây nến, quả đim, ngồn ân biền ái, bướm ong, ăn tiền, nằm bếp, khuất núi v v... tiếng ta rất nhiều những lời tỷ dụ như thế. Vì là một thứ tiếng cụ thể, khi muốn biểu diễn những ý tưởng thuộc về sự vật trừu tượng thì phần nhiều phải mượn những lời cụ thể, bởi thế mà thành có nhiều tiếng tỷ dụ, ví như: *tấm lòng, đứt ruột.* Những lời ấy ta phải hiểu theo nghĩa bóng. Song ta cũng đừng nên lạm dụng cách dùng lời tỷ dụ ấy mà văn thành ra cầu kỳ.

Những tiếng cần phải tránh (euphémismes) — Có nhiều sự vật vì người ta muốn tránh điều tục tĩu hay suồng sã nên phải biểu diễn bằng tiếng mượn, ví như người ta thường dùng tiếng *phân* để thế cho tiếng *cứt*, tiếng gái *giang-hồ* để thế cho tiếng *đĩ*, tiếng *tiên-sinh* để thế cho tiếng *ông*, tiếng *đại-huynh* để thay cho tiếng *anh* v. v. Những tiếng giả tá ấy phần nhiều là tiếng hán-việt. Người Việt-nam cũng như người Trung-quốc vốn là dân tộc có lễ độ, nên sự dùng tiếng giả tá ấy rất thịnh hành. Trong ngôn ngữ và văn chương xưa ta thấy nhan nhản những tiếng dùng như thế, tỏ rằng người xưa đã lạm dụng cách biểu diễn ấy nhiều lắm.

Tiếng đồng nghĩa. — Có nhiều tiếng âm khác mà nghĩa đồng, song phần nhiều cũng có hơi khác nghĩa một chút, cho nên khi nghiên cứu tiếng đồng nghĩa phải chú ý về chỗ dị. Những tiếng: *nhà, lầu, cung, điện, túp, lều,* tuy cùng chỉ nơi ở của người ta nhưng mỗi tiếng một khác.

Có những tiếng khác vì ý nghĩa phổ thông và đặc biệt, ví như:

Bàn (phổ thông).

Án, kê, đẳng, yên, mâm (đặc biệt)

Có những tiếng khác nhau về lớn nhỏ, ví dụ:

sông (lớn, nhỏ)

sông cái (lớn)

sông con, ngòi, lạch, hói (nhỏ)

Có những tiếng ý nghĩa tương tự mà dùng vào những trường hợp khác nhau, ví dụ:

Tiền lương, chỉ tiền công của quan lại.

Tiền bổng, chỉ tiền công của quan lại, mà nhất là tiền quan lại thu được ngoài vòng pháp luật.

Tiền công, chỉ tiền trả thợ thuyền.

Tiền phụ-cấp, chỉ tiền trả thêm ngoài số lương.

Có những tiếng ý nghĩa giống nhau mà dùng ở địa phương khác nhau, ví dụ:

Cái bát (Bắc-kỳ)

Cái đoi (Nghệ-Tĩnh)

Cái chén (Huế)

Tiếng đồng âm. — Tiếng đồng âm là những tiếng phát âm giống nhau mà ý nghĩa khác nhau, ví dụ:

Nước, chất lỏng chứa trong sông, trong biển.

Nước gồm tất cả các người ở một xứ, thuộc dưới một chủ quyền.

Những tiếng đồng âm nhiều nhất là về tiếng hán-việt, ví dụ:

Cô 姑 *chị hay em của cha.*

— 沽 *mua.*

— 鵠 *Chim đa-đa.*

— 骷 *Xương khô.*

— 嘉 *Có tội*

— 孤 *mồ côi.*

— 觚 *bình đựng rượu.*

Tiếng đồng loại. — Tiếng đồng loại là những tiếng do một gốc mà biến giọng hay biến vần mà thành tiếng khác, có ý nghĩa khác. Ví dụ:

Tiếng gốc	*Biến thành*
Người	Ngươi, ngài.
Nam	Nôm, nồm.
Bắc	bấc
Miệng	miếng
Mảnh	manh, mành

Có khi với tiếng gốc thường ghép thêm một tiếng phụ để kết thành một tiếng kép đồng loại, ví dụ:

Tiếng gốc	*Biến thành*
Người	Người ngợm, người ta.
Làng	Làng mạc, làng xóm, làng nước

Các nghĩa của một tiếng Mỗi tiếng có nghĩa riêng của nó vốn có từ xưa gọi là *nghĩa đen.*

Có nhiều tiếng ngoài nghĩa đen ra, còn có nghĩa hơi giống, tức là nghĩa đen dùng rộng ra gọi là *nghĩa rộng,* ví dụ:

Đóng, nghĩa đen là khiến một vật nhọn đâm vào một vật khác để giữ cho vững, như đóng đinh, đóng cọc.

Đóng, nghĩa rộng, như đóng thùng, đóng trại, đóng tiền, đóng thuế v. v...

Khi nào mượn một tiếng có ý nghĩa hữu hình mà biểu diễn một ý nghĩa vô hình, tức là dùng *nghĩa bóng,* ví dụ:

Trong « Muối dưa », muối dùng theo nghĩa đen.

Trong « Muối mặt », muối dùng theo nghĩa bóng.

Trong « Gối đầu », gối dùng theo nghĩa đen.

Trong « Gối sầu », gối dùng theo nghĩa bóng.

Quan-hệ của các tiếng với nhau. — Những tiếng họp lại với nhau thành câu nói. Công dụng của một tiếng trong câu và quan hệ của chúng đối với nhau thường tùy theo thứ tự quyết định. Ví như khi ta nói : « Mẹ thương con » và « con thương mẹ » thì ta thấy rõ rằng cũng ba tiếng ấy mà vì thứ tự khác nhau nên công dụng và quan hệ của chúng nó ở hai câu không giống nhau

Song cách sắp đặt thứ tự của những tiếng không phải là nhất định bất dịch, có câu đặt xuôi đặt ngược, ý nghĩa cũng không thay đổi, ví như câu thơ :

« Lom khom dưới núi tiều vài chú » là đặt ngược ; nếu đặt xuôi lại thì là : Tiều vài chú lom khom dưới núi.

Trong tiếng pháp thì quan hệ của các tiếng ở trong một câu cũng do thứ tự quyết định, nhưng ngoài ra người ta còn có thể dùng phương pháp khác, ví như phép biến hóa ngữ-vĩ, và phép dùng tiếng đưa đẩy. Vả công dụng của những tiếng pháp thường liên-lạc với ngữ-nguyên, cho nên nhiều khi không cần xem đến địa vị của một tiếng trong câu, người ta cũng có thể biết được công dụng của nó. Đến như tiếng việt thì một tiếng có thể đổi công dụng tùy theo vị trí mà ngữ thể không biến hóa gì cả. Cú-pháp của tiếng việt là căn cứ vào vị trí tương quan của các tiếng ở trong một câu, chỉ theo một nguyên tố sau này :

Trong một câu, nếu theo nghĩa mà một tiếng này có thể định nghĩa tiếng kia thì tiếng định nghĩa khi nào cũng ở sau tiếng bị định ; hoặc hai tiếng tương quan cũng có khi nối với nhau bằng một tiếng đưa đẩy ; nếu hai tiếng không tương quan mà là tương đồng hoặc tương phản, thì nó họp thành một lời để biểu diễn một ý-niệm đơn độc.

Ý và câu — Theo nguyên tắc về cú-pháp nói trên thì một câu tiếng việt thường theo thứ tự này :

Phần chủ động, phần thuyết minh, phần thụ động, hay là tiếng chủ-động, tiếng hành-động, tiếng thụ-động, vì tiếng chủ-động phải có tiếng hành-động định nghĩa thì người ta mới biết vị chủ-động làm gì ; mà tiếng hành động phải có tiếng thụ-động định nghĩa thì người ta mới biết làm việc gì đối với ai hay với cái gì.

Mỗi bộ-phận ấy lại có thể gồm những bộ phận phụ thuộc và những tiếng định nghĩa riêng của một bộ phận. Vậy thứ tự của một câu thường là như sau này :

Tiếng chủ-động, phần định nghĩa ;

Tiếng hành-động, phần định nghĩa ;

Tiếng thụ-động, phần định nghĩa.

Song hai bộ phận chủ-động và hành-động cũng có thể làm thành một câu : *chim bay*

Có khi một bộ phận cũng có thể làm thành một câu : *ăn đi !*

Những vấn-đề chất chính cùng các bực cao nhã trong nước:

1· Nguồn gốc chữ nôm ;

2 Các giọng của tiếng việt. Cách phân biệt các dấu hỏi và ngã.

(sẽ tiếp)

ĐÀO-DUY-ANH

Về số đặc-san Trần-Hưng-Đạo

Binh-chế nhà Trần

Khảo-cứu của Tiên-Đàm

Ta nên kỷ-niệm vĩ-nhân bằng cách nào ?

Đề-nghị của T. T

TỔNG PHÁT HÀNH

RƯỢU CHỒI BẮC-KỲ

Các bà sinh rở dùng rượu chồi Bắc-kỳ, trừ được các chứng sản hậu tê thấp v. v
Tốt và re tiền.

ĐÔNG-DƯƠNG THƯƠNG-CỤC
Tổng đại biểu
Kỹ nghệ sản phẩm nội hóa
155, *Rue du Coton — Hanoi*

KHẮP CÕI ĐÔNG-PHÁP
Chỉ máy Sư tử
Đủ các mùi. Bền, rẻ
và các hàng tơ lụa, vải vóc, các thứ đồ sừng, mây, cói v. v.

TIỂU - THUYẾT LỊCH - SỬ

BÀ QUẬN MỸ

CHU-THIÊN viết

SỐ 13

Vì cái mục-đích thứ nhất của Phan-Ngạn gây ra cuộc đại loạn là để chiếm cướp Bạch-y-nương. Cái anh chàng thanh-niên si tình ấy không có can-đảm tỏ tình với người mà mình thầm yêu. Sau những ám-hiệu chàng hay bày ra trước mặt nàng, bằng những khóe mắt, nụ cười, câu nói văn hoa bóng bẩy, đều không được mảy may kết quả, chàng bồn chồn băn khoăn mãi... Đã có bận, chàng chực nghĩ kế bắt cóc nàng' chỉ mong được gần gụi người ngọc một đêm cũng thỏa! Nhưng Bạch-y-nương không mấy khi xa chồng, Vả, hai tay ấy đều võ nghệ phi-thường, lại luôn luôn quân phòng cẩn mật, nên cái mưu kế kia đành tan ra mây khói!

Nhân gặp lúc Trịnh-Tùng lấn át vua Lê quá mực, bầy tôi đều có bụng lơ ngờ, Phan-Ngạn bèn vin lấy cớ ở lễ Nam-giao, xui giục bọn công-thần nổi loạn. Bản tâm Ngạn chỉ cốt đánh giết Văn-Khuê và bắt sống Bạch-y-nương cho thỏa lòng bấy lâu khao khát, rồi hẵng nghĩ đến đại-sự quốc-gia! Cho nên Ngạn không cần đánh nhau với Nguyễn-Hoàng, và lập tức cho dò xét xem quân Bùi-Văn-Khuê hư thực động tĩnh thế nào để định liệu. Đối với trong quân, Ngạn tuyên ngôn là Khuê có tình ý khác, nên cần phải giệt trừ! Mãnh liệt thay sức mạnh của sắc đẹp! Ghê gớm thay cái sức xui giục của lòng ham! Nó làm cho người ta cơ tâm mà ngu dại, nó làm cho người ta sáng suốt mà đui mù! Nó khiến người ta táng tận lương tâm, lừa thầy, dối bạn! Nó là chủ-động hầu hết mọi việc thương tâm từ nghìn xưa cho chí nghìn sau!

●

Đêm đã khuya. Trên bầu giời xanh thẫm lơ thơ mấy ngôi sao lấp lánh như những cái cúc bạc đính trên nền thảm vô cùng rộng. Phía đông, lững thững, nửa mảnh giăng dần lên, tỏa ánh sáng bàng-bạc yếu ớt xuống cánh đồng, bụi cây, mặt sông và đền đài.. Những cái bóng đen thẫm trước rất dài, dần dần thu ngắn lại và to ra...

Trên mặt sông yên lặng, long lanh phản chiếu ánh giăng phát ra vô số những tia sáng êm dịu, bỗng còn cộn nổi sóng: Phía xuôi lên, những chiến thuyền ầm ầm vùn vụt tiến lại...

— Giặc! giặc! giặc!

Quân canh bảo nhau. Rồi mấy hồi trống liên thanh báo động. Các thuyền thức dậy, sẵn sàng binh khí. Viên tướng tiên-phong vội chèo lên chòi cột buồm ngắm, thấy xa xa phất phới lá cờ thêu chữ « Trịnh », liền phi báo trên trại cho Văn-Khuê biết. Được tin, Văn-Khuê lập tức xuống thuyền và cho các thuyền đều huy-động cùng một lúc tiến về mạn xuôi. Đâu đấy đã sắp sửa sẵn sàng. Đằng kia, mấy chiến thuyền tiến rất nhanh: sóng vỗ ầm ầm. Một lượt bắn. Những thuyền kia đã tới gần. Một tiếng loa gọi từ đấy phát ra:

— Xin các anh em ngừng bắn! Chiến thuyền của Kế quận-công!

Văn-Khuê trông thấy lá cờ « Phan » phất phới trên thuyền, liền cho gọi tên đội coi toán quân lại hỏi. Hắn thưa rằng:

— Bẩm Huy-hạ, đại-đội chúng con ở Phố-hiến bị thủy-quân của Trịnh-Thung đánh úp rẽ ra làm hai. Chúng con bị đuổi mãi lên đến đây! Kìa, bẩm Huy-hạ, nó đương tiến lên kia!

Văn-Khuê trông theo tay hắn chỉ, thấy tít mù xa lố nhố những thuyền, và phất phới lá cờ vàng, thứ cờ riêng của họ Trịnh. Văn-Khuê ra lệnh tiến quân.

Được một lát, một lượt bắn nữa. Lại nhằm phải quân của Phan-Ngạn như trước. Cứ như thế dần dần đến tận Phố-Hiến. Vì các thuyền Phan-Ngạn sau khi bị bắn rồi mới kéo cờ hiệu lên.

Đến Phố-Hiến, thấy những chiến thuyền tản mát chạy, trên thuyền rõ ràng phất phới cờ vàng thêu chữ « Trịnh » -Văn-Khuê truyền cho các quân-sĩ đuổi riết. Những chiến-thuyền chạy cả vào sông Châu-cầu rồi quay mũi lại. Cuộc hỗn chiến bắt đầu. Văn-Khuê vô tình đã bị Phan-Ngạn lừa đến đấy để ba mặt cùng quay lại đánh. Chiến-thuyền của Phan-Ngạn từ Vị-hoàng tiến lên, từ sông Châu-cầu đánh ra, làm bên Văn-Khuê bất thình-lình rối loạn! Những quân ở mạn trên bị các thuyền trước của Phan-Ngạn làm ra vẻ sợ hãi chạy tung tăng giữa sông, ngăn lại không xuôi được. Văn-Khuê phải hăng hái đứng ra mũi thuyền Tướng đốc thúc quân lính liều đánh cố giữ. Quân chết mất nhiều và tên hết, không bắn được mấy. Trận thế càng gay go! Tên bắn ra vè vè như mưa. Phan-Ngạn ăn mặc giả Trịnh-Thung, đứng trên chòi thuyền, ngắm bắn hai phát, trúng Văn-Khuê, làm cho Văn-Khuê ngã lăn xuống nước! Quân lính vội vớt được xác Văn-Khuê lên thuyền và cố chèo thuyền vượt qua khỏi trận mưa tên.

Phan-Ngạn thấy Văn-Khuê chết rồi, cũng vội khua chiêng ra lệnh thôi bắn và lui quân về Vị-hoàng.

Bạch-y-nương ở trên kia vừa phá được ít thuyền vây tiến xuống, chỉ còn kịp thấy xác chồng trên thuyền, quần áo y nguyên, tay phải còn cầm kiếm, nàng ôm chầm lấy chồng, khóc rất thảm thiết, rồi ngất đi, bất tỉnh nhân sự! Các tướng súm sít lại, lay gọi mãi nàng mới hồi tỉnh.

Trước cảnh tượng đau lòng ấy, quân-sĩ đều sa đôi hàng lệ !

Lâu lâu nàng định thần, truyền lệnh cho sĩ tốt đem tàn quân và dinh trại về đóng ở Hoàng-giang. Nàng cử hành tang lễ rất long trọng, đưa linh-cữu chồng về táng tại làng Chi-phong. Trong quân hết thảy đều mặc đồ trắng để tang.

III

Chôn cất chồng xong rồi, Bạch-y-nương vẫn đóng quân ở trên sông Hoàng-giang (G'a-viễn). Nàng buồn rầu ủ-rũ. Việc quân giao cho con là Văn-Nguyên, nàng chỉ than thân trách phận : hồng nhan trăm mối dở dang ! Bao lâu mến-yêu đằm thắm, nâng-niu nhau như ngọc báu trên tay, mà nay kẻ mất, người còn, thì ai có thể làm thỉnh cho được ? Phương chi lại chết trong tình-cảnh thảm thương không ngờ ! Một người tướng tài đã từng xông-pha trăm trận nguy-nan, cũng không hề rách mảnh áo giáp, mà nay trong một trận thủy-chiến tầm thường, lại bị chết giữa cơn hỗn-chiến ! Một điều lạ. Nàng ngờ cái chết của chồng nàng. Rồi liên tưởng, nàng ngờ Phan-Ngạn đã chủ tâm lừa chồng nàng vào tử-địa !

— Có lẽ nó bày mưu ra thế để giết chồng ta !

Nàng sực nhớ lại rõ-ràng những điệu-bộ úp-mở của Phan-Ngạn trước mặt nàng, và những nhời nói hoa mỹ mà nàng thường được nghe thấy khi Ngạn đến chơi nhà : « Tôi chỉ ước ao được gần-gụi một người như phu-nhân ! »

Nàng nhắc lại câu ấy của Phan-Ngạn với tất cả sự quả-quyết tin ở trí sáng-suốt của mình. Nàng nhận rõ thấy những việc dĩ-vãng nó tố-cáo Phan-Ngạn. Và cả việc vừa rồi nữa : Cớ sao chiến thuyền của quân Phan-Ngạn lại kềnh-càng trên sông ngăn quân nàng tiến ? Phải, cớ sao lại có sự lạ *đời ấy* ? Hắn làm quen, hắn chơi thân, hắn dụ-dỗ cùng làm loạn, rồi hắn bày kế để giết chồng mình đi. Ôi ! lòng người thật là nham-hiểm, biết đâu mà dò được ! Nàng nghĩ lại thương hại chồng quá ngay thẳng tin bạn. Con người ngay thẳng dễ tin làm sao ! Khi trước nàng đã dè-dặt bảo chồng coi chừng Phan-Ngạn. Nhưng chàng cứ một mực cho lý-lẽ của hắn là phải, cứ tin rằng hắn tốt, cùng một cảnh-ngộ như mình. Ai ngờ ! Nay vỡ lẽ thì sự đã rồi !

— Chồng ta chết vì ta ! Vậy ta phải báo thù ! Ta phải báo thù !

Nàng đập tay xuống bàn nói vậy. Rồi ngồi im một lúc lâu. Như không đủ tin ở những điều xét đoán của mình, nàng cho gọi tất cả các tướng đã dự trận thủy-chiến hôm nọ lại dưới trướng hỏi :

— Các tướng có nghi ngờ gì về trận đánh mới rồi không ?

Các tướng thấy hỏi đều ngơ ngác, sợ-sệt, tưởng nàng ngờ cho mình đã hại chủ-tướng, đều dụt-dè thưa :

— Bẩm lệnh-bà, lệnh-bà hỏi điều gì chúng con không hiểu !

Bạch-y nương dịu giọng nói :

— Không, tôi không ngờ cho các tướng đâu ! Tôi muốn hỏi các tướng có thấy gì lạ ở trận đánh nhau ấy. Các tướng có thực giao-chiến với quân Trịnh hay với quân nào ? Quân Trịnh đã ra đến đây, sao chúng biến về nhanh thế ?

Một viên tướng già cung-kính thưa :

— Lệnh-bà có hỏi, con mới dám nói. Chúng con đánh giáp lá cà. Cờ hiệu và quân-phục thì rõ đội quân của Trịnh. Nhưng đến tiếng nói thì ra đều người đường ngoài cả. Con đã gặp nhiều người Trịnh. Họ đều người Thanh Nghệ, tiếng nói chọ-chẹ và *mằn răng mằn rứa* thế nào ấy. Đằng này nói thẳng tuồn tuột y như chúng mình.

Một tướng khác nói :

— Thưa lệnh-bà, trong lúc hỗn chiến, con thấy chung quanh nhan-nhản toàn quân của Kế quận-công mà con đã được gặp ở cuộc thao-diễn thủy-quân trên hồ Lãng-bạc năm ngoái.

Một tướng nữa thưa :

— Con ở đội quân cuối-cùng, trong lúc đánh nhau rối-loạn, thuyền của đội con bị nghẽn không xuôi được, con không biết quân nào đánh rồn lên. Nhưng mình con chạy thoát đến mạn dưới này, con thấy những chiến-thuyền của Kế-quận lúc nẫy đi với quân ta, lúc ấy cứ giềnh-giang ngăn mặt sông, không ra đánh, không ra chạy, không ra đuổi, không ra lại !

(còn nữa)

Sách mới

Tri-Tân mới tiếp được :

1· *Nguyễn-trường-Tộ* của Từ-Ngọc Nguyễn-Lân do nhà in Viễn-Đệ (Huế), xuất-bản. Sách cỡ nhỏ, in đẹp, dày 148 trang, giá 0p80.

Theo như lời tác giả Từ Ngọc tuyên-bố, thì tác giả xin hi sinh số tiền nhuận-bút là 15 *l.* trong số tiền bán sách, để góp vào công việc xây một ngôi mộ xứng đáng hơn cho Nguyễn trường-Tộ tiên sinh ở xã Bùi-chu, phủ Hưng-nguyên, tỉnh Nghệ an. Số tiền đó sẽ do nhà xuất bản Viễn-Đệ thu lấy, rồi khi nào bán xong sách, tác giả sẽ gởi hoặc cho cháu đích tôn tiên sinh là ông Nguyễn trường-Võ ở Bùi-chu hoặc cho ông linh-mục ở xã Đoài (vì gia đình tiên sinh theo đạo G'a-tô), nhờ trông nom việc xây dựng.

2· *Người lịch thiệp* của Vân-Hạc Lê-văn-Hoè. Sách dầy ngót 150 trang, bìa hai màu, giá 0p65.

3· *Mấy vần tươi sáng*, loại thơ cho học-sinh và trẻ em, của Trang-Phương và Hảo-Chi. Sách dày 76 trang, bìa ba màu rất đẹp, giá 0p40.

4· *Một tấm gương*, kịch toàn bằng bài hát hướng-đạo, của Đinh-trọng-Hoan và Hoàng-văn-Sỹ. Giá 0p18.

Xin cảm ơn các xuất-bản gia, các tác-giả và vui lòng giới thiệu với độc-giả Tri-Tân.

Hội Truyền-bá Quốc-ngữ

Bản-Hội vừa nhận được của một số học-sinh giấu tên ở tỉnh lỵ Thái-bình gửi quyên một số tiền 7 p. 35 để mua giấy bút cho học trò Hội về khóa học thứ bảy.

Trong công-cuộc chống nạn thất học, Hội được nhiều sự ủng-hộ như vậy, thực là may mắn vô cùng.

H. T. B. Q. N. lai-cảo

Những kẻ thù số 1 của làng văn, làng báo

Tiếp theo trang 2

là một ơn huệ đối với chúng ta. Nhưng, với những việc khác họ tỏ ra hào phóng : thua cá ngựa, tổ tôm, chạc xếch hàng trăm họ vẫn vui cười !

Nhiều người không mượn đâu được báo nhưng thích xem, sẵn có bộ óc tính-toán suy-bì, liền nghĩ ra cách thuê báo. Họ bỏ ra hằng ngày một hai xu hoặc thuê ở các đại-lý, hoặc ở các trẻ em bán báo hám lợi, rồi xem đủ các thứ báo.

Xem xong, họ lại trao trả ; rồi nếu không bán được, những tờ đó lại trở về với tòa báo ! Thật là một sự tai hại lớn. Làm thế họ đã ngang nhiên bẻ gẫy ngòi bút các nhân viên trong tòa soạn và đã đường hoàng bóp cổ cho tờ báo chết, vì sống làm sao được một khi huyết mạch của tờ báo, là tiền tài, bị người ta cắt đứt !

Chẳng những một số đông độc-giả đã « khó chơi » như thế, mà đến những ông đại-lý—trừ một số người tốt — cũng ít được sòng phẳng, Họ ký quỹ một số tiền nhỏ-mọn, rồi mỗi khi nhà báo giục tính sổ, họ trây lười làm lơ, kêu bận việc. Nhiều khi dọn đi nơi khác mà không hề nói cho tòa báo biết. Rồi, vì chẳng đáng là bao, nhà báo đành chịu thiệt mà không muốn kiện-cáo lôi-thôi. (1)

Có phái các đặc-phái viên đi thu ngân, thì có khi gặp phải một đôi kẻ vô-lương : đi là đi thẳng, mang theo số tiền thu được, mải vui cảnh núi sông mây nước, không tính tới chuyện trở về, làm ti trị-sự chỉ còn biết ngậm-ngùi mà mong đợi !

●

Những kẻ thù của làng văn, làng báo mà tôi vừa sơ phác trên kia đã bóp chết không biết bao nhiêu là tờ báo ở trên đất Việt-Nam này ! Bao nhiêu tờ rất đứng-đắn có tôn-chỉ vững-vàng và có một tòa soạn gồm những cây viết lành nghề, cứng-cáp, đanh-thép mà rút cục đến nay cũng phải chết yểu vì chứng «sài kinh-tế» do bọn kia gây nên !

Khi xưa tờ *An-nam tạp-chí* của thi-sĩ Tản-Đà trải bao phen chìm nổi vì nạn khan tiền ! Tờ *Sông Hương* ở Huế của ông Phan-Khôi, tờ *Đông-dương tạp-chí* ở Bắc của ông Nguyễn Giang cũng chỉ chết vì lưỡi dao « kinh - tế » ! Tờ *Hà nội tân-văn* của ông Vũ ngọc Phan tạm đình-bản mấy tháng có lẽ cũng cùng chung một cớ ấy !

Thật là một sự hiển-nhiên mà hết thảy những nhà văn, nhà báo để tâm quan-sát đều nhận xét như vầy : xem sách, xem báo mượn và thuê báo ở đất Bắc này không những là một thói xấu cần phải bài trừ vì ảnh hưởng tai hại không phải nhỏ, mà nó lại là một cố tật, một bệnh dịch hầu như lan khắp trong những gia đình ích kỷ !

Một số các nhà xuất bản đã công nhận các sách phần nhiều bán rất chạy ở Trung-kỳ nhất là Nam-kỳ. Còn ở Bắc ? Thì một tờ tuần báo, một cuốn truyện có khi chuyền tay nhau tới hai ba chục người.

Chúng tôi không nói ngoa ! Đó là một sự thực tàn ác mà ngòi bút ngay thẳng của chúng tôi, vì quyền lợi chung của làng văn, làng báo, buộc phải đem nó ra ánh sáng để cùng độc giả cùng suy nghĩ.

Trước tòa án dư luận của làng báo, chúng tôi đã lôi những tên thủ phạm từng can án giết biết bao tờ báo bằng lưỡi dao « kinh tế » kia.

Chúng tôi mong độc giả trừng trị họ, phỉ nhổ họ để cứu vãn lấy những tờ đang sống và đang bị chúng hằng ngày giở thủ đoạn dã man tàn ác ấy ra mà bóp chết đấy !

Làng văn, làng báo chúng tôi phần đông không phải là những người sống trên đống tiền đống bạc, song chỉ là những người yêu nghề, hi sinh cho nghề, không mong ở nghề những sự xa hoa lộng lẫy mà chỉ mong làm việc một cách thành thực và ngay thẳng.

Xin đừng vì chút tư lợi nhỏ nhen, vì sự suy tính bủn sỉn mà đánh cắp, bóc lột làng văn làng báo một cách đáng bỉ, lường gạt một cách vô lương tâm bằng sự xem sách, báo mượn thuê và quỵt tiền báo nữa !

PHẠM-MẠNH-PHAN

(1) *Chúng tôi lại mới được nghe một chuyện rất đáng phàn nàn : Một đại lý ở một tỉnh xa kia đứng đại lý cho một tờ báo hằng ngày nọ, vì không sòng phẳng trả tiền, nên bị tòa báo ấy không gửi báo cho bán nữa. Ông đại lý «quỷ hóa» ấy liền phao vu cho tiếng chẳng lành « Báo Mỗ chết rồi », làm cho các bạn độc giả ở đó cứ yên trí tưởng thật.*

Các ngài gửi thư mua báo Tri-Tân xin nhớ kèm theo ngân phiếu.

Các ngài yêu Tri-Tân xin nhớ cổ động cho Tri-Tân, mua tiếp và giới thiệu thêm người mua giúp Tri-Tân.

Thư từ và ngân phiếu xin gửi cho.

ông NGUYỄN-TƯỜNG-PHƯỢNG

195, Hàng Bông, Hà-nội

Ta thường nói « phú quí » thì ra giầu vẫn hơn sang!
Mà thực!
Có tiền mua tiên cũng được mà!

Ai muốn bỗng chốc có bạc vạn như ông Quang (Huế) đã trúng số độc đắc vào kỳ mở số vừa rồi thì

Thử bỏ 1p. ra mua 1 vé

SỐ ĐÔNG PHÁP

Ai không tin thử mua xem

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p 50 đồ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC « CAI HỒNG-KHÊ »

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được, mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giây thép buộc ngang giời. Thuoc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p 60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt noc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biếu sach GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh

Imp. spéciale du Tri Tân Administrateur-gérant: Duong-Tu-Quan